

2014

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**



MCG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
 - Tên giao dịch: VIETNAM MECHANIZATION ELECTRIFICATION & CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.
 - Tên viết tắt: MECO
- Vốn điều lệ: 575.100.000.000 đồng (*Năm trăm bảy mươi lăm tỷ một trăm triệu đồng*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Điện thoại: (844) 2213 8518 Fax: (844) 3869 1568
- Email: vanphong@mecojsc.vn
- Website: <http://www.mecojsc.vn>
- Mã chứng khoán: MCG

2. Quá trình hình thành và phát triển:

➤ *Việc thành lập:*

Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tiền thân là *Xưởng sửa chữa máy kéo* được thành lập ngày 08 tháng 3 năm 1956 trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm (nay là Bộ Nông nghiệp & PTNT). Năm 1969 đổi tên thành: *Nhà máy đại tu máy kéo Hà Nội*. Năm 1977 tiếp tục đổi tên thành *Nhà máy cơ khí nông nghiệp I Hà Nội*.

Ngày 24/03/1993 đổi tên thành Công ty Cơ điện và Phát triển Nông thôn.

Ngày 29 tháng 10 năm 2003, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ra Quyết định số 4797/QĐ/BNN-TCCB, đổi tên Công ty Cơ điện và Phát triển Nông thôn thành Công ty Cơ điện - Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội, là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

➤ *Chuyển đổi sở hữu thành Công ty Cổ phần:*

Ngày 09 tháng 12 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ra Quyết định số 4465/QĐ/BNN-TCCB V/v: Chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty cơ điện xây dựng nông nghiệp và thủy lợi Hà Nội thành Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103295 (số cũ 0103009916) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần 1 ngày 30/11/2005, vốn điều lệ là: 12.000.000.000 đồng.

Ngày 21 tháng 6 năm 2007, đổi tên thành **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**.

➤ *Niêm yết:*

Ngày 24/09/2009, Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam (MECO JSC) đã chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là **MCG**, theo Quyết định số 109 ngày 01/9/2009 của HOSE.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

➤ *Ngành nghề kinh doanh:*

- Về cơ khí và điện: Chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phụ vụ cho ngành nông, lâm diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng; Chế tạo thiết bị nâng hạ máy và thiết bị dây chuyền chế biến nông sản: Cà phê, mía, đường, chè; Lắp ráp xe tải nhỏ phụ vụ nông thôn; Thiết kế và sản xuất các loại bơm đến 8.000m³/h;
- Xây lắp đường dây và trạm biến thế điện đến 35 KV; Chế tạo tủ điện hạ thế, tủ điều khiển trung tâm phục vụ thủy lợi và công nghiệp chế biến; Sản xuất và kinh doanh điện;
- Về xây dựng: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, xây dựng công trình thủy lợi; Hồ đầu mối, kênh mương, kè và đập; Xây lắp các công trình dân dụng, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường;
- Chế tạo vỏ bọc che công trình công nghiệp; Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, phát triển hạ tầng;
- Về thương mại và dịch vụ: Kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu các loại vật tư máy móc, thiết bị, hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và chế biến nông sản; Kinh doanh lương thực, thực phẩm và nông lâm sản;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gương, kính, ván nhân tạo; Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lữ hành (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Đầu tư, xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác khoáng sản, tài nguyên; khai thác vật liệu xây dựng (đá, cát, sỏi) bao gồm cả khảo sát thăm dò và chế biến (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Khoan phụt vữa xi măng, gia cố, chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng; Chống thấm nền và thân dề, thân đập công trình thủy lợi, thủy điện;
- Nạo vét sông ngòi, cửa sông, cửa biển; Sản xuất bê tông đầm lăn và bê tông các loại; Xây dựng giao thông đường bộ và đường sắt; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
- Chế tạo và lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi, thủy điện; Chế tạo, sửa chữa và lắp đặt công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp, chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép;
- Đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện, khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà cao tầng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác; Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư; Cho thuê máy móc thiết bị; Kinh doanh đại lý xăng dầu; Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông, giáo dục trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; Dạy nghề ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực: kinh doanh và quản lý, máy tính, xây dựng, công nghệ kỹ thuật mỏ địa chất và chế biến lương thực, thực phẩm (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội, ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng;

- Thiết kế công trình thủy điện, thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị cơ khí công trình thủy điện;
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, thủy điện trong lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện;
- Môi giới bất động sản;
- Định giá bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh và hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi, giải trí;
- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1. Mô hình quản trị:

Quản trị trực tuyến chức năng.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

a. Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất trong Công ty có quyền quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty; bầu, miễn nhiệm cơ quan quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

b. Hội đồng quản trị

Được đại hội đồng cổ đông bầu ra để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông quyết định.

c. Ban kiểm soát

Được đại hội đồng cổ đông bầu ra để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

d. Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm, gồm Tổng giám đốc và các phó Tổng giám đốc.

Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về các quyết định tổ chức và điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Các phó tổng giám đốc chuyên môn chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty về lĩnh vực được phân công phụ trách.

e. Các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ:

Trưởng các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ chịu sự điều hành của Tổng giám đốc Công ty và chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng giám đốc Công ty về các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phụ trách. Gồm các bộ phận tham mưu giúp việc cho ban Tổng giám đốc:

- Phòng Tổ chức - Hành chính
- Phòng Tài chính - Kế toán
- Phòng Kinh tế - Kế hoạch

f. Các chi nhánh

Gồm các đơn vị hạch toán độc lập, Giám đốc chi nhánh chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng giám đốc về việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của chi nhánh:

- Chi nhánh Tuyên Quang
- Chi nhánh Thanh Hoá
- Chi nhánh Miền Trung
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Tây Bắc
- Chi nhánh Tây Nguyên

g. Các Xí nghiệp trực thuộc

Gồm các đơn vị hạch toán phụ thuộc, giám đốc Xí nghiệp chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp

- Xí nghiệp bê tông đầm lăn
- Xí nghiệp Thi công nền móng và công trình ngầm
- Xí nghiệp Thi công cơ giới và Sản xuất vật liệu

h. Các Trung tâm

- Trung tâm thương mại xuất nhập khẩu
- Trung tâm thí nghiệm vật liệu xây dựng
- Sàn giao dịch bất động sản

i. Các Ban chỉ huy

Trưởng các ban chỉ huy chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành và thực hiện các hợp đồng do Công ty đã ký kết.

- Ban chỉ huy công trình Đồng Nai 3
- Ban chỉ huy công trình Đakr'rtih
- Ban chỉ huy công trình Sê San 4
- Ban chỉ huy công trình Iamor
- Ban chỉ huy công trình Sông Tranh 2
- Ban chỉ huy công trình Hương Điền
- Ban chỉ huy công trình Nho quế 3
- Ban chỉ huy công trường thi công gói thầu số 5 - HTCT phân ranh mặn ngọt - Bạc Liêu.
- Ban chỉ huy công trường thi công gói thầu số 6 - Dự án Hồ chức nước Bản Mòng
- Ban chỉ huy công trường thi công gói thầu số 1, 4 - Dự án Hồ chứa nước IAMOR

j. Ban điều hành các công trình

Trưởng ban điều hành chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty trong việc điều hành, kiểm soát và tổ chức thực hiện các hợp đồng liên danh, tổng thầu.

- Ban điều hành liên danh Cơ Điện - thủy lợi 44

k. Các Ban quản lý Dự án

Trường Ban quản lý chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty trong việc điều hành, kiểm soát và thực hiện các dự án.

- Ban quản lý đầu tư các dự án bất động sản

4.3. Các công ty con, công ty liên kết:

a. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của MCG: Không có.

b. Các công ty có trên 50% vốn cổ phần/ vốn góp do MCG nắm giữ:

- ❖ Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Meco - Meco nắm giữ 89 % vốn điều lệ.
- ❖ Công ty CP Đầu tư phát triển khu công nghiệp Hà Tĩnh - Meco nắm giữ 52,2% vốn điều lệ.
- ❖ Công ty CP Thủy điện Văn Chấn - Meco nắm giữ 50 % vốn điều lệ.
- ❖ Công ty CP Đầu tư Thủy điện AnPha - Meco nắm giữ 97,5% vốn điều lệ.
- ❖ Công ty CP Thủy điện Thác Xăng - Meco nắm giữ 80% vốn điều lệ.
- ❖ Công ty CP Khoáng sản Meco - Meco góp 75% vốn điều lệ.
- ❖ Công ty CP Bất động sản MECO - Meco góp 90% vốn điều lệ.

c. Các Công ty mà Meco nắm dưới 50% vốn cổ phần/ vốn góp:

- Công ty CP Cơ điện và xây dựng Hòa Bình - Meco nắm giữ 46 % vốn điều lệ
- Công ty CP Cơ khí Văn Lâm: 45% vốn điều lệ.
- Công ty CP Xây dựng thủy lợi Meco Sài Gòn - Meco nắm giữ 28,05% vốn điều lệ
- Công ty CP BP Tư vấn và Đầu tư - Xây dựng: Meco nắm giữ 30% vốn điều lệ
- Công ty CP Ván nhân tạo Yên Bái - Meco nắm giữ 19 % vốn điều lệ

d. Tóm tắt về hoạt động các Công ty có liên quan

*** Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Meco (MECOEDI)**

- MECOEDI được thành lập 24/01/2008 với các ngành nghề kinh doanh chính; Sản xuất và kinh doanh điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Xây dựng các công trình trung, hạ áp và trạm biến áp đến 32KV; Xuất nhập khẩu, kinh doanh thiết bị cơ khí, cơ điện, công nghiệp điện, điện tử; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện; Buôn bán các loại máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi.

- Địa chỉ trụ sở chính: Ngõ 102 đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;

*** Công ty cổ phần đầu tư và phát triển các khu công nghiệp Hà Tĩnh (HIZIDCO)**

- HIZIDCO được thành lập từ ngày 03/06/2008 với các ngành nghề kinh doanh chính là: Chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phục vụ cho ngành nông lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng chế tạo thiết bị dây chuyền chế biến nông sản; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, xây dựng công trình thủy lợi, hồ đầu mối, kênh mương, kè và đập; Kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại vật tư máy móc, thiết bị phục vụ nông nghiệp (trừ hóa chất nhà nước cấm) và chế biến nông sản. Kinh doanh lương thực, thực phẩm và nông lâm sản. Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng ...; Khai thác khoáng sản, tài nguyên, khai thác vật liệu xây dựng bao gồm cả khảo sát, thăm dò và chế biến; Khoan thăm dò địa chất, gia cố, chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện; Chế tạo và lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi, thủy

điện, chế tạo sửa chữa và lắp đặt công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông nghiệp, chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép; Đầu tư kinh doanh Khu đô thị, hạ tầng Khu công nghiệp, khu nhà cao tầng; Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác. Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng, Kinh doanh phương tiện vận tải, kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư, kinh doanh đại lý xăng dầu, đại lý ký gửi hàng hóa; Kinh doanh và quản lý máy tính, xây dựng công nghệ kỹ thuật mỏ địa chất và chế biến lương thực, thực phẩm.

- Địa chỉ trụ sở chính : Xã Kỳ Phương, Huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

*** Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Chấn**

- Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Chấn (VAN CHAN HYDROPOWER JSC) được thành lập từ ngày 15/9/2004 (Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) với các ngành nghề kinh doanh chính là: Sản xuất, kinh doanh điện năng; Sản xuất, kinh doanh nước sạch; Xây dựng các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Xây dựng các công trình điện lực đến 35KV, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp; Sản xuất, buôn bán vật tư, phụ tùng thiết bị, vật liệu xây dựng; Dịch vụ xây dựng, kinh doanh phát triển nhà, Dịch vụ lữ hành nội địa, dịch vụ khách sạn; Buôn bán vật liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng; Đại lý mua, bán ký gửi hàng hóa; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Hồng Sơn, xã Sơn Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

- Tên, địa chỉ chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN VĂN CHẤN TẠI HÀ NỘI. Địa chỉ: tầng 8 số 14 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP Hà Nội.

- Tên, địa chỉ văn phòng đại diện: VPDD CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN VĂN CHẤN. Địa chỉ: số 5 ngõ 121 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, TP Hà Nội.

*** Công ty cổ phần Đầu tư Thủy điện AnPha**

- ANPHA-EL được thành lập từ ngày 06/04/2007 với các ngành nghề kinh doanh chính là: Sản xuất, kinh doanh điện năng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Xây dựng các công trình trung, hạ áp và trạm biến áp đến 35KV; Xuất nhập khẩu, kinh doanh thiết bị công nghiệp điện, điện tử; Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình giao thông; Xây dựng công trình công nghiệp; Xây dựng công trình thủy điện; Dịch vụ thương mại;

- Địa chỉ trụ sở chính : Số 214 đường Tô Hiệu, tổ 6, phường Tô Hiệu, Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La;

*** Công ty Cổ phần Cơ điện và xây dựng Hòa Bình (MC1)**

- MC1 được thành lập từ ngày 18/12/2007 với các ngành nghề kinh doanh chính là: Khai thác đất, cát, sỏi và đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và vật liệu xây dựng, Sản xuất phụ tùng và thiết bị sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng và vận tải, Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, Sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện; Xây dựng nhà các loại, Xây dựng công trình đường bộ; Bán buôn nguyên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan, Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, quyền sử dụng đất...

- Địa chỉ trụ sở chính : Tiều khu 4, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

*** Công ty cổ phần Ván nhân tạo Yên Bái (YBC)**

- YBC được thành lập từ 15/05/2003 với các ngành nghề kinh doanh chính là : Sản xuất gỗ ván nhân tạo; Sản xuất các sản phẩm từ nguyên liệu gỗ rừng trồng và gỗ ván nhân tạo; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phục vụ ngành nghề chế biến sản phẩm gỗ ván nhân tạo; Đầu tư trồng rừng nguyên liệu phục vụ các ngành sản xuất sử dụng nguyên liệu gỗ; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Khai thác, chế biến quặng sắt tận thu.

- Địa chỉ trụ sở chính : Thôn Bình Sơn - xã Văn Tiến - Huyện Trấn Yên - Tỉnh Yên Bái;

*** Công ty cổ phần thủy điện Thác Xăng (THAC XANG., JSC)**

- Công ty cổ phần thủy điện Thác Xăng được thành lập từ 05/04/2007 (Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) với các ngành nghề kinh doanh chính là: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, cơ sở hạ tầng và khu du lịch; sản xuất và kinh doanh điện; lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch; kinh doanh khu du lịch sinh thái, dịch vụ vui chơi giải trí ; Nuôi trồng thủy sản

- Địa chỉ trụ sở chính : 2A14 tổ 1D, phường Trung Liệt, quận Đống Đa , thành phố Hà Nội

*** Công ty cổ phần khoáng sản Meco (MecoM)**

- Công ty cổ phần khoáng sản Meco (MecoM) được thành lập từ ngày 29/03/2010 (Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) với các ngành nghề kinh doanh chính là: Khai thác quặng kim loại; Khai khoáng khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; công trình giao thông, công trình công ích; San lấp mặt bằng công trình các loại; Bán buôn, bán lẻ vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kho bãi và lưu trữ hàng hóa; Cho thuê xe có động cơ.

- Địa chỉ trụ sở chính : Thôn Đồng Lạt, xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

*** Công ty cổ phần Bất động sản Meco (MECOLAND)**

- Công ty cổ phần Bất động sản Meco (MECOLAND) được thành lập từ ngày 19 tháng 01 năm 2012 (Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần) với các ngành nghề kinh doanh chính là: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Quảng cáo; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng, Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Cho thuê xe có động cơ; Phá dỡ; Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, quản lý bất động sản.

- Địa chỉ trụ sở chính: Ngõ 102 Đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

5. Định hướng phát triển:

➤ Các mục tiêu chủ yếu của MECO trong năm 2015

Với mục tiêu phát triển và ổn định bền vững, Công ty tiếp tục phát huy thế mạnh của Công ty trong bốn lĩnh vực chính Xây Lắp, kinh doanh điện, Thương Mại, Công nghiệp, kinh doanh Bất động sản theo chiều sâu.

➤ Chiến lược phát triển:

- Đầu tư kinh doanh Bất động sản:

+ Tập trung chỉ đạo hoàn thành toàn bộ dự án Khu nhà ở và văn phòng 102 Trường Chinh, vận hành khai thác khu thương mại dịch vụ đúng tiến độ.

+ Tiếp tục thu xếp vốn triển khai dự án Khu đô thị Dương Nội, Khu đô thị mới phía Đông huyện Văn Giang - Hưng Yên (Khu đô thị Long Hưng).

- Đầu tư kinh doanh điện:

+ Khai thác hiệu quả các dự án đã hoàn thành phát điện như thủy điện Văn Chấn và có thể thoái vốn.

+ Tập trung hoàn thành dự án thủy điện Nậm Hóa 2 công suất 8MW phát điện thương mại trong thời gian sớm nhất để thu hồi vốn đầu tư và tiến hành thực hiện dự án thủy điện Nậm Hóa 1 đúng tiến độ để nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

- Sản xuất Thi công xây lắp:

+ Tập trung điều hành thi công đúng tiến độ, hiệu quả công trình Hồ chứa nước Bàn Mòng (Sơn La) với giá trị sản lượng ước tính 42 tỷ đồng; Hồ chứa nước Iamor (Gia Lai) với giá trị sản lượng ước tính 45 tỷ đồng.

+ Tiếp tục thu xếp vốn triển khai dự án thủy điện Khánh Khê - Lạng Sơn, Suối Choang - Nghệ An.

+ Tập trung công tác thu hồi vốn tại các công trình thủy điện: Bình Điền, Hương Điền, Nho Quế 3, Sông Tranh 2, Đăkr'tih...

- Sản xuất Công nghiệp:

+ Duy trì sản xuất các sản phẩm cơ khí truyền thống.

+ Đẩy mạnh hoạt động tự chủ sản xuất kinh doanh sản phẩm cơ khí tại Công ty Cơ khí Văn Lâm.

- Kinh doanh thương mại:

+ Quản lý chặt chẽ các hợp đồng thương mại theo nguyên tắc đảm bảo an toàn vốn và có hiệu quả. Lựa chọn kỹ càng các đối tác và có các biện pháp đảm bảo trong quá trình thanh toán tránh các đối tác chiếm dụng vốn của Công ty.

+ Tham gia lựa chọn, liên doanh liên kết với các đơn vị có năng lực, tìm kiếm các công việc mới trên nguyên tắc: Phù hợp năng lực nội tại của Công ty, đảm bảo nguồn vốn thanh toán kịp thời cho công việc hoàn thành, tạo tiền đề để công tác phát triển một cách bền vững.

6. Các rủi ro:

Rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và các mục tiêu của công ty:

Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, đầu tư và kinh doanh bất động sản, cơ khí, đầu tư dự án và thương mại. Vì vậy ngoài những rủi ro đặc thù của ngành, doanh nghiệp còn phải chịu những rủi ro chung khi có những biến động bất thường của nền kinh tế.

Những rủi ro có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

1. Rủi ro từ chính sách pháp luật của nhà nước: nhà nước thay đổi chính sách về thuế; lương ... có thể làm tăng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; Nhưng rủi ro này cũng là một cơ hội trong hoạt động sản xuất kinh doanh bởi Công ty cũng là một nhà thầu xây dựng các dự án nên việc tăng này cũng có thể làm tăng nguồn doanh thu của Công ty;

2. Rủi ro từ môi trường kinh doanh: Ảnh hưởng từ lãi suất ngân hàng, diễn biến của thị trường bất động sản;

3. Rủi ro hiện hữu trong doanh nghiệp:

- Rủi ro về biến động nhân sự: Tình hình biến động về nhân sự có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến mục tiêu sản xuất kinh doanh của công ty;

- Rủi ro về hoạt động cung ứng của các nhà thầu phụ; nhà cung cấp: Tiến độ cung cấp của các nhà cung cấp có thể ảnh hưởng đến tiến độ thi công xây dựng công trình và ảnh hưởng đến hoạt động chung của công ty;

- Rủi ro trong công tác huy động vốn; cân đối và sử dụng nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Rủi ro trong quan hệ với khách hàng;

- Rủi ro trong hoạt động khai thác các dự án đầu tư;

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Với chiến lược nhằm tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh đã được thông qua tại đại hội cổ đông năm 2014, HĐQT, ban Tổng giám đốc Công ty đã nỗ lực điều hành linh hoạt và triển khai các giải pháp tối ưu hóa nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát và tiết giảm chi phí nhằm vượt qua những khó khăn trong thời điểm hiện tại và xây dựng kế hoạch phát triển cho những năm tiếp theo, cụ thể :

- Tập trung thực hiện các dự án trọng điểm như:

+ Dự án BĐS 102 Trường Chinh (Meco complex) với quy mô trên 40.000m² sàn nhà thương mại, 9000m² sàn thương mại dịch vụ, tổng mức đầu tư 1.309 tỷ đồng đã hoàn thành, bàn giao phần lớn căn hộ cho khách hàng và đã tiến hành khai thác khu thương mại dịch vụ;

+ Hoàn thành và bàn giao cho Chủ đầu tư dự án trường Mầm non Phương Mai tại địa chỉ 102 Trường Chinh với tổng giá trị thi công hoàn thành trên 20 tỷ đồng;

+ Khởi công dự án thủy điện Nậm Hóa 1 với công suất 18MW sau khi đã cơ bản hoàn thành dự án thủy điện Nậm Hóa 2 (công suất 8MW);

+ Khởi công hợp tác thực hiện dự án khu nhà ở thương mại Đồng Phát - Phường Vĩnh Hưng - Quận Hoàng Mai - Hà Nội;

+ Tiếp tục khai thác dự án đầu tư thủy điện Văn Chấn công suất 57MW với tổng mức đầu tư gần 2.000 tỷ đồng;

+ Hoàn thành xây dựng cơ bản dự án Thủy điện Nậm Hóa 2 công suất 8MW với tổng mức đầu tư 250 tỷ đồng, đang hoàn thiện nốt những hạng mục cuối cùng để tiến hành phát điện thương mại trong thời gian sớm nhất;

- Cơ cấu nguồn vốn vay tại các ngân hàng thương mại. Cụ thể công ty đã giảm số nợ ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại từ mức 425,8 tỷ đồng (thời điểm 31/12/2013) xuống còn 167,2 tỷ đồng (thời điểm 31/12/2014). Tăng các khoản nợ dài hạn ngân hàng từ mức 472 tỷ đồng lên đến 628 tỷ đồng;

- Hoàn thiện các hợp đồng đã ký kết, đẩy nhanh hoạt động thu hồi vốn;
- Thanh lý tài sản dư thừa, hoạt động không hiệu quả để nâng cao năng lực nguồn vốn.
- Giãn tiến độ một số dự án đầu tư như Long Hưng, Khánh Khê, Suối Choang... nhằm tập trung nguồn lực khai thác các dự án có hiệu quả.

- HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam đã tập trung mọi nguồn lực để thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện Năm 2014	% TH /KH
Tổng giá trị SXKD	721.654.000.000	560.371.000.000	78%
Tổng doanh thu	1.302.102.000.000	1.199.414.000.000	92,11%
Lợi nhuận trước thuế	51.636.000.000	41.936.000.000	81,21 %
Lợi nhuận sau thuế	41.309.000.000	38.377.000.000	92,90%

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014:

- Môi trường kinh doanh năm 2014 mặc dù đã khởi sắc nhất định trong lĩnh vực kinh doanh Bất động sản và xây dựng nhưng vẫn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. HĐQT và BDH Công ty vẫn thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh trên nguyên tắc thận trọng, bảo toàn vốn. Tập trung vào giải quyết các dự án dở dang còn đang tồn tại. Vì vậy, sản lượng và doanh thu không đạt theo kế hoạch đề ra.

- Hàng tồn kho lớn do ảnh hưởng một số chính sách kinh tế vĩ mô và nhu cầu của thị trường;

- Doanh thu dở dang của một số công trình, dự án không thể quyết toán được do một số Chủ đầu tư chây ì không có thiện chí trong công tác quyết toán, xác định giá trị công nợ và thanh toán cho Công ty. Trong năm 2014, Công ty chỉ có xác định thêm doanh thu từ giá trị dở dang của một số công trình như Sông Tranh 2 (2,1 tỷ); Pleipai (1,9 tỷ); Công trình Phân ranh mặn ngọt Sóc Trăng - Bạc Liêu (1,16 tỷ) với doanh thu không đáng kể so với giá trị sản lượng dở dang (hàng tồn kho) của Công ty;

- Công tác thu hồi công nợ mặc dù đã được triển khai nhưng một số đối tác như Công ty Cổ phần Đầu tư HD, Công ty Cổ phần thủy điện Bình Điền, Tổng 4, Công ty Bitexco Nho Quế... vẫn chây ì không có thiện chí thanh toán các khoản công nợ, chưa có biện pháp hữu hiệu để tiến hành thu hồi công nợ.

- Chi phí sản xuất kinh doanh vẫn còn ở mức cao do biến động của thị trường và khó khăn của nền kinh tế (lãi vay và thời gian thu hồi vốn chậm) làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh và không điều chỉnh giá cũng như thu hồi vốn kịp thời.

- Công tác tài chính: Ngân hàng thắt chặt, cắt giảm hạn mức tín dụng tăng tài sản thế chấp dẫn đến mất cân đối nguồn vốn và kế hoạch tài chính Công ty không đáp ứng kịp;
- Công tác quản lý, rà soát, sử dụng máy móc, thiết bị, tài sản đã được triển khai quyết liệt. Một số tài sản dư thừa, không sử dụng đã được đề xuất bán thanh lý; tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số tài sản không được sử dụng trong thời gian dài dẫn đến hư hỏng, mất mát như trạm trộn bê tông đầm lăn tại Hương Điền, Bình Điền...

Công tác quản lý vật tư gắn với sản lượng tại các công trường tập trung về đầu mối quản lý Công ty tạo ra sự thống nhất về phương pháp quản lý, điều tiết dòng tiền. Công tác cung ứng vật tư, quản lý, giám sát các công trường hiệu quả hơn trước.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

➤ **Danh sách Ban điều hành và tỷ lệ sở hữu cổ phần:**

Vốn điều lệ đầu kỳ, ngày 18/4/2014: 57.510.000.000 đồng

Vốn điều lệ đến thời điểm 27/01/2015: 57.510.000.000 đồng

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần đầu kỳ	Thay đổi tỷ lệ nắm giữ
			(ngày 18/4/2014)	(tính đến ngày 27/01/2015)
1	Nguyễn Ngọc Bình	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc	5.496.825 cổ phần (9,56% vốn điều lệ)	5.496.825 cổ phần (9,56% vốn điều lệ)
2	Nguyễn Bình Dương	TV HĐQT	8.120 cổ phần (0,01 % vốn điều lệ)	8.120 cổ phần (0,01 % vốn điều lệ)
3	Nguyễn Văn Huyền	TV HĐQT, Phó TGD	26.400 cổ phần (0,05 % vốn điều lệ)	26.400 cổ phần (0,05 % vốn điều lệ)
4	Ngô Tuấn Anh	Phó TGD	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)
5	Ninh Thị Luân	Phó TGD	52.545 cổ phần (0,091% vốn điều lệ)	52.545 cổ phần (0,091% vốn điều lệ)
6	Trần Hải Anh	Phó TGD	5.600 cổ phần (0,01% vốn điều lệ)	5.600 cổ phần (0,01% vốn điều lệ)
7	Nguyễn Ngọc Hưng	Phó TGD	18.000 cổ phần (0,031% vốn điều lệ)	18.000 cổ phần (0,031% vốn điều lệ)
8	Nghiêm Thị Mai Hoa	Trưởng Ban Kiểm soát	3.700 cổ phần (0,006% vốn điều lệ)	3.700 cổ phần (0,006% vốn điều lệ)
9	Nguyễn Tiến Hiền	TV Ban Kiểm soát	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)
10	Đặng Thị Hoàng Anh	TV Ban Kiểm soát	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)

*** Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:**

➤ Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc.

- Ngày sinh: 02/04/1957

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Từ tháng năm/ đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, chính quyền, đoàn thể.)
Từ 02/1979 đến 9/1981	Giáo viên dạy nghề Trường CNKT bên cạnh Nhà máy Cơ khí NN I.
Từ 10/1981 đến 6/1986	Cán bộ phòng Cung tiêu Nhà máy Cơ khí Nông nghiệp I Hà Nội.
Từ 7/1986 đến 12/1992	Phó Phòng kinh doanh - Nhà máy Cơ khí Nông Nghiệp I. Quản đốc phân xưởng cơ khí sửa chữa
Từ 01/1993 đến 03/2000	Giám đốc Xí nghiệp liên doanh kính Long Giang.
Từ 04/2000- 8/2002	Phó Giám đốc Công ty Cơ điện và Phát triển nông thôn.
Từ 09/2002- 04/2003	Giám đốc Công ty Cơ điện và Phát triển nông thôn.
Từ 05/2003 - 12/2003	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty Cơ điện và Phát triển nông thôn.
Từ 01/2004 đến 6/2005	Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cơ điện XD NN và Thủy lợi - kiêm Giám đốc Công ty Cơ điện - Xây dựng NN&TL Hà Nội
Từ 07/2005 đến 10/2005	Quận ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi; Chủ tịch Hội đồng quản trị - kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng nay là Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 11/2005 đến 7/2008	Quận ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi; Chủ tịch Hội đồng quản trị - kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng nay là Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 08/2008 đến 01/2010	Quận ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 02/2010 đến 04/2010	Quận ủy viên, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 05/2010 đến 04/2011	Quận ủy viên, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi, Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 05/2011 đến nay	Quận ủy viên, Giám đốc Công ty CP Thiết bị phụ tùng Cơ điện, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.

➤ - Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty.

➤ Ông Nguyễn Văn Huyền - Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 15/06/1971
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Thủy lợi

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Thời gian	Chức vụ
Từ 04/1996 đến 08/1999	Cán bộ kỹ thuật - Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 4
Từ 07/2000 đến 02/2003	Trưởng BCH công trình, trưởng ban Kế hoạch và Kinh doanh - Xi nghiệp XD và Đầu tư hạ tầng, Công ty thi công cơ giới
Từ 02/2003 đến 03/2005	Cán bộ Kỹ thuật, Ban quản lý dự án thủy lợi 4
Từ 03/2005 đến 06/2006	Phó phòng Kỹ thuật dự án thủy điện PleiKrông – Ban quản lý dự án thủy điện 4
Từ 06/2006 đến 02/2009	Phó trưởng phòng Kỹ thuật, phụ trách Kỹ thuật thủy điện PleiKrông, SêSan 4, Ban quản lý dự án thủy lợi 4
Từ 03/2009 đến 06/2009	Phó giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 07/2009 đến Nay	Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam kiêm Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc Công ty, kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh.

➤ Ông Ngô Tuấn Anh - Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 14/10/1967
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi.

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Thời gian	Chức vụ
Từ 7/1991 đến 01/1997	Phụ trách đội cơ giới, Công ty xây dựng thủy lợi 2.
Từ 01/1997 đến 6/1997	Phòng Kỹ thuật, Công ty Cơ khí điện thủy lợi.
Từ 06/1997 đến 6/2002	Cán bộ phòng Kinh tế, Kỹ thuật đấu thầu, Tổng công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi.
Từ 6/2002 đến 3/2010	Trưởng phòng Đấu thầu - Thi công, Tổng công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi.
Từ 3/2010 đến 11/2010	Giám đốc Trung tâm nghiên cứu tư vấn Cơ điện xây dựng, Tổng công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi.
Từ 12/2010 đến nay	Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó tổng giám đốc Công ty.

➤ **Bà Ninh Thị Luân - Phó Tổng giám đốc, kiêm Kế toán trưởng Công ty**

- Ngày sinh: 12/09/1963

- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán - Chuyên ngành Kế toán.

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Thời gian	Chức vụ
Từ 6/1985 đến 9/1994	Kế toán tổng hợp Công ty lương thực Ý Yên - Nam Hà.
Từ 10/1994 đến 6/1996	Nhân viên kế toán Công ty Vật liệu giao thông 2 Tam Điệp - Ninh Bình.
Từ 7/1996 đến 8/1996	Nhân viên kế toán Công ty Xây dựng và sản xuất vật liệu Giao thông 529 - phường Nam Sơn, Tam Điệp, Ninh Bình.
Từ 9/1996 đến 8/1997	Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán - Công ty XD và SX vật liệu Giao thông 529 - phường Nam Sơn, Tam điệp, Ninh Bình.
Từ 9/1997 đến 4/1999	Trưởng ban kế toán Nhà máy xi măng Công ty XD và SX vật liệu Giao thông 529 - phường Nam Sơn, Tam điệp, Ninh Bình.
Từ 4/1999 đến 12/2003	Phó trưởng phòng Tài chính kế toán - Công ty Xây dựng và sản xuất vật liệu Giao thông 529 - phường Nam Sơn, Tam Điệp, Ninh Bình.
Từ 1/2004 đến 12/2004	Chuyên viên chính - Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội.
Từ 01/2005 đến 7/2005	Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán - Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội.
Từ 08/2005 đến 04/2006	Phó phòng Tài chính - kế toán - Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng.
Từ 05/2006 đến 05/2007	Quyền Kế toán trưởng, kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán - Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng.
Từ 05/2007 đến 12/2011	Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính kế toán - Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng nay là Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.

- Chức vụ công tác : Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty

➤ **Ông Trần Hải Anh - Phó Tổng giám đốc**

- Ngày sinh: 21/4/1976.

- Trình độ chuyên môn: Kiến trúc sư, Thạc sĩ kiến trúc sư.

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Thời gian	Chức vụ
Từ 10/1999 đến 12/2004	Giảng viên Trường Đại học dân lập Hải Phòng
Từ 04/2006 đến 02/2007	Kiến trúc sư, phòng Kỹ thuật - Xây dựng, Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng
Từ 03/2007 đến 06/2007	Thạc sĩ Kiến trúc giữ chức Phó giám đốc Xí nghiệp Xây lắp, Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng
Từ 07/2007 đến 07/2008	Giám đốc Xí nghiệp Xây lắp, Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 08/2008 đến 03/2009	Tham gia Ban điều hành Công ty cổ phần BP Tư vấn và Đầu tư Xây dựng
Từ 04/2009 đến 8/2011	Thành viên Ban kiểm soát kiêm Phó Ban quản lý dự án 102 Trường Chinh, Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam

Từ 9/2011 đến 4/2011	Trưởng Ban quản lý dự án 102 Trường Chinh, Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 5/2011 đến 12/2011	Giám đốc Ban quản lý các dự án đầu tư Bất động sản
Từ 01/2012 đến nay	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Ban quản lý các dự án đầu tư Bất động sản

- Chức vụ công tác: Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc Ban QL các DA đầu tư Bất động sản.

➤ **Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Phó Tổng giám đốc**

- Ngày sinh: 17/04/1977

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD chuyên ngành Kế toán kiểm toán, Thạc sĩ Tài chính KT.

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Thời gian	Chức vụ
Từ 07/2000 đến 04/2003	Nhân viên Phòng Kế toán - Xí nghiệp Liên doanh kính Long Giang.
Từ 05/2003 đến 03/2005	Kế toán trưởng - Xí nghiệp liên doanh kính Long Giang.
Từ 04/2005 đến 10/2005	Chuyên viên phòng Tài chính kế toán Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội.
Từ 11/2005 đến 7/2006	Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội.
Từ 8/2006 đến 06/2008	Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng (nay là Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam).
Từ 07/2008 đến 04/2009	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 05/2009 đến 5/2013	Trưởng Ban kiểm soát, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 6/2013 đến nay	Phó Tổng giám đốc, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc, Chủ tịch Công đoàn Công ty

➤ **Bà Nghiêm Thị Mai Hoa - Trưởng Ban Kiểm soát:**

- Ngày sinh: 28/9/1958

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Thời gian	Chức vụ
Từ 06/1983 - 04/2005	Kế toán, kế toán tổng hợp Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thủy lợi 24 thuộc Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 1
Từ 05/2005 - 10/2007	Phó phòng Tài chính KT Công ty CP Đầu tư Xây dựng 24 thuộc Tổng công ty Cơ điện Nông nghiệp và Xây dựng Thủy lợi
Từ 03/2008 - 07/2008	Kế toán trưởng Ban điều hành tổng thầu Công trình Thủy điện Văn Chấn thuộc Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 08/2008 đến nay	Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư Thủy điện An Pha

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát.

➤ Ông Nguyễn Tiến Hiền - Thành viên Ban Kiểm soát:

- Ngày sinh: 08/10/1980
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Thời gian	Chức vụ
Từ 5/2012 - 6/2005	Kế toán Công ty CP XD và TM KL
Từ 6/2005 - 3/2007	Nhân viên phòng KT, KH –ĐT Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam
Từ 03/2007 - 14/3/2015	Phó Phòng KT, KH – ĐT Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát.

➤ Bà Đặng Thị Hoàng Anh - Thành viên Ban Kiểm soát:

- Ngày sinh: 11/06/1983
- Trình độ chuyên môn: Đại học Thủy lợi - Chuyên ngành Kỹ sư Kinh tế thủy lợi.

Quá trình công tác: (Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)

Thời gian	Chức vụ
Từ 10/2006 đến 04/2011	Kỹ sư Kinh tế thủy lợi, Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.
Từ 04/2011 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát, Kỹ sư Kinh tế thủy lợi, Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty.

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên, chính sách đối với người lao động:

- Số lao động tại thời điểm 31/12/2014: 92 người.
- Thu nhập bình quân năm 2014: 6.000.000 đ/người/tháng.

TT	PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ	SỐ LƯỢNG (Người)
1	Đại học và Trên đại học	47
2	Cao đẳng và Trung cấp	4
3	Công nhân kỹ thuật	41
	TỔNG SỐ	

*** Chính sách đối với người lao động:**

- Chế độ làm việc:

+ 8h/ngày, 40h/tuần, thời gian làm việc: sáng từ 7h30 phút đến 11h30 phút, chiều từ 13h đến 17h.

+ Chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng của người lao động đều được Công ty thực hiện đúng theo Bộ luật lao động và các văn bản hướng dẫn.

+ Trong các trường hợp đặc biệt nhằm đáp ứng đúng tiến độ thi công, tiến độ thi công, tiến độ giao hàng và giữ chữ tín với khách hàng, cán bộ công nhân viên Công ty có thể sẽ được huy động làm thêm giờ nhưng không quá 4h/ngày và không quá 200h/năm.

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

+ Tiền lương:

Hàng tháng ngoài việc hưởng lương theo thang bảng lương Nhà Nước và các khoản phụ cấp chức vụ, trách nhiệm, thu hút, lưu động, độc hại nguy hiểm, phụ cấp khu vực và hệ số không ổn định sản xuất; cán bộ công nhân viên Công ty còn được hưởng thêm một phần lương mềm gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty và trên cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong tháng của từng cá nhân.

Ngoài ra vào những ngày lễ, tết cán bộ công nhân viên Công ty còn được chi thêm một khoản lương bổ sung.

+ Tiền thưởng: hàng năm Công ty đều tổ chức bình xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ công nhân viên Công ty để khen thưởng nhằm khích lệ động viên tinh thần lao động đối với các cá nhân có thành tích xuất sắc, đặc biệt xuất sắc trong việc đóng góp vào sự phát triển của Công ty

+ Bảo hiểm và phúc lợi:

Cán bộ công nhân viên được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể, khám sức khỏe định kỳ.

Hàng năm Công ty đều tổ chức cho cán bộ công nhân viên tham quan nghỉ mát

Các hoạt động của tổ chức đoàn thanh niên, công đoàn, phụ nữ đều được Công ty quan tâm.

- Chính sách đào tạo:

Với quan điểm “Người lao động là tài sản của Công ty” vì thế Công ty xem việc đào tạo và tái đào tạo là hoạt động đầu tư chứ không phải là gánh nặng chi phí. Nhằm phát huy hiệu quả nguồn nhân lực sẵn có, Công ty luôn khuyến khích, tạo điều kiện để cán bộ công nhân viên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng về tin học, ngoại ngữ...Hàng năm Công ty đều tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân, tổ chức cho cán bộ công nhân viên tham gia các khóa huấn luyện tại chỗ, các khóa huấn luyện bên ngoài nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức mới cần thiết để người lao động phát triển năng lực Công tác, đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại và chiến lược phát triển của Công ty trong tương lai.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm và tình hình thực hiện:

- Tập trung thực hiện các dự án trọng điểm như:
 - + Dự án BDS 102 Trường Chinh (Meco complex) với quy mô trên 40.000m² sàn nhà thương mại, 9000m² sàn thương mại dịch vụ, tổng mức đầu tư 1.309 tỷ đồng đã hoàn thành, bàn giao phần lớn căn hộ cho khách hàng và đã tiến hành khai thác khu thương mại dịch vụ;
 - + Hoàn thành và bàn giao cho Chủ đầu tư dự án trường Mầm non Phương Mai tại địa chỉ 102 Trường Chinh với tổng giá trị thi công hoàn thành trên 20 tỷ đồng;
 - + Khởi công dự án thủy điện Nậm Hóa 1 với công suất 18MW sau khi đã cơ bản hoàn thành dự án thủy điện Nậm Hóa 2 (công suất 8MW);
 - + Khởi công hợp tác thực hiện dự án khu nhà ở thương mại Đồng Phát - Phường Vĩnh Hưng - Quận Hoàng Mai - Hà Nội;
 - + Tiếp tục khai thác dự án đầu tư thủy điện Văn Chấn công suất 57MW với tổng mức đầu tư gần 2.000 tỷ đồng ;
 - + Hoàn thành xây dựng cơ bản dự án Thủy điện Nậm Hóa 2 công suất 8MW với tổng mức đầu tư 250 tỷ đồng, đang hoàn thiện nốt những hạng mục cuối cùng để tiến hành phát điện thương mại trong thời gian sớm nhất;
 - Cơ cấu nguồn vốn vay tại các ngân hàng thương mại. Cụ thể công ty đã giảm số nợ ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại từ mức 425,8 tỷ đồng (thời điểm 31/12/2013) xuống còn 167,2 tỷ đồng (thời điểm 31/12/2014). Tăng các khoản nợ dài hạn ngân hàng từ mức 472 tỷ đồng lên đến 628 tỷ đồng;
 - Hoàn thiện các hợp đồng đã ký kết, đẩy nhanh hoạt động thu hồi vốn;
 - Thanh lý tài sản dư thừa, hoạt động không hiệu quả để nâng cao năng lực nguồn vốn.
- Giãn tiến độ một số dự án đầu tư như Long Hưng, Khánh Khê, Suối Choang... nhằm tập trung nguồn lực khai thác các dự án có hiệu quả.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1	Tổng giá trị tài sản	2,783,809,854,629	2.259.767.043.105	
2	Doanh thu thuần	802,252,531,523	1.199.414.139.245	
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(181,921,393,894)	24.877.774.744	
4	Lợi nhuận khác	2,178,842,035	524.235.099	
5	Lợi nhuận trước thuế	(176,412,912,332)	41.936.505.259	
6	Lợi nhuận sau thuế	(176,510,669,336)	38.377.264.300	
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,22	1,14	Lần
	TSLĐ/Nợ ngắn hạn			
	+ Khả năng thanh toán nhanh	0,48	0,54	Lần
	<u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u>			
	Nợ ngắn hạn			
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	80,88	74,56	%
	+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	4,26	2,97	Lần
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho:	0,81	1,19	Lần
	<u>Giá vốn hàng bán</u>			
	Hàng tồn kho bình quân			
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,29	0,53	Lần
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		3,2	%
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		6,78	%
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		1,7	%
	+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần		2,07	%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu thường) : 57.510.000 cổ phiếu.

Trong đó:

+ Tổng số cổ phiếu lưu hành : 52.050.000 cổ phiếu

+ Cổ phiếu quỹ : 5.460.000 cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu ưu đãi: không có.

b. Cơ cấu cổ đông:

*** Cổ đông/ thành viên góp vốn Nhà nước:**

➢ Số lượng cổ đông góp vốn nhà nước: 01

➢ Tên cổ đông: TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY LỢI.

- Tên viết tắt: AGRIMECO.

- Địa chỉ liên lạc: Km 10 Quốc lộ 1A - Thanh Trì - Hà Nội
- Ngành nghề kinh doanh: (xem ở dưới)
- Số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong Công ty tại ngày 27/01/2015: 302.300 cổ phần chiếm 0,53% vốn điều lệ.

*** Cổ đông góp vốn sáng lập:**

➤ **Thông tin tổng hợp:** vốn điều lệ ban đầu của Công ty khi thành lập là 12.000.000.000 đồng

TT	Tên	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Giá trị (1.000 đồng)
I	Tổng công ty Cơ điện	Km10 Quốc lộ 1A - Thanh Trì - Hà Nội	612.000	51%	6.120.000
	Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi				
(*) Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước là các cá nhân sau:					
1.	Ông Nguyễn Ngọc Bình	2/522 Đường Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội	612.000	51%	6.120.000
		Xóm 3, Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Đống Đa, Hà Nội			
2.	Bà Nguyễn Thị Kim Loan				
II	261 cổ đông cá nhân khác (**)		588.000		5.880.000

➤ **Thông tin chi tiết cổ đông sáng lập:**

- **Cổ đông sáng lập là pháp nhân: TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY LỢI:**

Địa chỉ trụ sở: Km10 Quốc lộ 1A - Thanh Trì - Hà Nội

Ngành nghề hoạt động:

- Về cơ khí:
 - + Thiết kế, chế tạo, lắp đặt và kinh doanh các loại phụ tùng, thiết bị, máy móc nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, diêm nghiệp, công nghiệp chế biến, thủy điện, xây dựng và phương tiện vận tải;
 - + Thiết kế, chế tạo và lắp đặt các thiết bị nâng hạ;
 - + Sửa chữa, bảo dưỡng và phục hồi các loại thiết bị, phụ tùng, xe máy và máy công cụ;
- Kinh doanh điện:
 - + Chế tạo, xây dựng và lắp đặt điện phục vụ các công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và phát triển nông thôn;
 - + Sản xuất và kinh doanh điện;
- Kinh doanh xây dựng:
 - + Đầu tư, xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
 - + Khảo sát, điều tra quỹ hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng;

+Thiết kế các công trình thủy lợi, thiết kế hệ thống cấp thoát nước khu đô thị, thiết kế các công trình thủy công, thủy nông, thủy văn;

+ Quản lý dự án đầu tư xây dựng, thẩm tra dự án, thẩm định thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán công trình xây dựng do Tổng công ty quản lý và đầu tư;

+ Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; - Đầu tư thiết bị; chuyên giao công nghệ trong lĩnh vực cơ điện, xây dựng nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi;

- Nghiên cứu khoa học và công nghệ, đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật về cơ điện và xây dựng nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi;

- Kinh doanh tài chính, tham gia thị trường chứng khoán;

- Các hoạt động kinh doanh khác:

+ Vận tải và đại lý vận tải;

+ Đầu tư, kinh doanh nhà ở, khách sạn, du lịch;

+ Xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng theo yêu cầu kinh doanh của Tổng công ty;

+ Dịch vụ cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng, trưng bày sản phẩm;

+ Dịch vụ thủ tục hải quan;

+ Tiếp nhận và thực hiện các dự án hỗ trợ đầu tư phát triển;

- Liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong, ngoài nước để phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;

- Đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

Tính đến ngày 27/01/2015, Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi nắm giữ 302.300 cổ phiếu, chiếm 0,53% trên tổng số 57.510.000 cổ phiếu.

- **Cổ đông sáng lập là thể nhân: 260 cổ đông là cán bộ công nhân của Công ty và 01 cá nhân ngoài Công ty.**

* **Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài: Không có.**

* **Tỷ lệ sở hữu vốn (tại thời điểm 27/01/2015):**

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng vốn đầu tư CSH						
Cổ đông Nhà nước	3.023.000.000	0,53%			3.023.000.000	0,53%
Cổ đông sáng lập						
Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên	54.968.250.000	9,56%			54.968.250.000	9,56%
Cổ đông sở hữu từ 1 đến dưới 5%	66.380.200.000	11,54%			66.380.200.000	11,54%
Cổ đông sở hữu dưới 1 %	372.462.800.000	64,76%	26.688.750.000	4,64%	399.151.550.000	69,40%
Công đoàn Công ty	800,000,000	0,14%			800,000,000	0,14%
Cổ phiếu quỹ	54,600,000,000	9,49%			54,600,000,000	9,49%

* Tỷ lệ cổ đông sở hữu (tại thời điểm 27/01/2015):

STT	Danh mục	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng	Cơ cấu cổ đông (người)	
				cổ đông	Tổ chức	Cá nhân
Tổng số lượng cổ phiếu						
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên)	5.496.825	9,56%	1		1
	- Trong nước	5.496.825	9,56%	1		1
	- Nước ngoài					
2	Cổ đông là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (sở hữu < 5%)	3.998.825	7%	38	38	
	- Trong nước	3.963.515	6,89%	34	34	
	- Nước ngoài	35.310	0,06%	4	4	
3	Cổ đông khác	42.554.350	67,1%	2.352		
	- Trong nước	38.590.835	60,17%	2.318		
	- Nước ngoài	3.928.205	6,83%	34	34	
4	Công đoàn Công ty	80.000	0,14%	1		
5	Cổ phiếu quỹ	5,460,000	9,49%	1		

* Tại thời điểm 27/01/2015 và biến động mua bán (của các cổ đông nội bộ và người có liên quan) tính đến thời điểm báo cáo Công ty có các cổ đông lớn:

TT	Cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Bình	5.496.825	10,56	Tổng số cổ phiếu lưu hành là 52.050.000 cổ phiếu
2	Công ty CP Chứng khoán MB (Công ty CP Chứng khoán Thăng Long)	2.640.715	5,07	
3	Smit Cheancharadpong	2.600.000	5,00	
4	Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang	2.250.140	4,32	
5	La Mỹ Phượng	2.246.940	4,32	
6	Nguyễn Văn Dũng	2.105.667	4,05	

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 5.460.000 cổ phiếu phổ thông.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Với chiến lược nhằm tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh đã được thông qua tại đại hội cổ đông năm 2014, HĐQT, ban Tổng giám đốc Công ty đã nỗ lực điều hành linh hoạt và triển khai các giải pháp tối ưu hóa nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát và tiết giảm chi phí nhằm vượt qua những khó khăn trong thời điểm hiện tại và xây dựng kế hoạch phát triển cho những năm tiếp theo, cụ thể :

- Tập trung thực hiện các dự án trọng điểm như:
 - + Dự án BDS 102 Trường Chinh (Meco complex) với quy mô trên 40.000m² sàn nhà thương mại, 9000m² sàn thương mại dịch vụ, tổng mức đầu tư 1.309 tỷ đồng đã hoàn thành, bàn giao phần lớn căn hộ cho khách hàng và đã tiến hành khai thác khu thương mại dịch vụ;
 - + Hoàn thành và bàn giao cho Chủ đầu tư dự án trường Mầm non Phương Mai tại địa chỉ 102 Trường Chinh với tổng giá trị thi công hoàn thành trên 20 tỷ đồng;
 - + Khởi công dự án thủy điện Nậm Hóa 1 với công suất 18MW sau khi đã cơ bản hoàn thành dự án thủy điện Nậm Hóa 2 (công suất 8MW);
 - + Khởi công hợp tác thực hiện dự án khu nhà ở thương mại Đồng Phát - Phường Vĩnh Hưng - Quận Hoàng Mai - Hà Nội;
 - + Tiếp tục khai thác dự án đầu tư thủy điện Văn Chấn công suất 57MW với tổng mức đầu tư gần 2.000 tỷ đồng ;
 - + Hoàn thành xây dựng cơ bản dự án Thủy điện Nậm Hóa 2 công suất 8MW với tổng mức đầu tư 250 tỷ đồng, đang hoàn thiện nốt những hạng mục cuối cùng để tiến hành phát điện thương mại trong thời gian sớm nhất;
- Cơ cấu nguồn vốn vay tại các ngân hàng thương mại. Cụ thể công ty đã giảm số nợ ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại từ mức 425,8 tỷ đồng (thời điểm 31/12/2013) xuống còn 167,2 tỷ đồng (thời điểm 31/12/2014). Tăng các khoản nợ dài hạn ngân hàng từ mức 472 tỷ đồng lên đến 628 tỷ đồng;
 - Hoàn thiện các hợp đồng đã ký kết, đẩy nhanh hoạt động thu hồi vốn;
 - Thanh lý tài sản dư thừa, hoạt động không hiệu quả để nâng cao năng lực nguồn vốn.
 - Giãn tiến độ một số dự án đầu tư như Long Hưng, Khánh Khê, Suối Choang... nhằm tập trung nguồn lực khai thác các dự án có hiệu quả.
- HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam đã tập trung mọi nguồn lực để thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện Năm 2014	% TH /KH
Tổng giá trị SXKD	721.654.000.000	560.371.000.000	78%
Tổng doanh thu	1.302.102.000.000	1.199.414.000.000	92,11%
Lợi nhuận trước thuế	51.636.000.000	41.936.000.000	81,21 %
Lợi nhuận sau thuế	41.309.000.000	38.377.000.000	92,90%

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014:

- Môi trường kinh doanh năm 2014 mặc dù đã khởi sắc nhất định trong lĩnh vực kinh doanh Bất động sản và xây dựng nhưng vẫn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. HĐQT và BDH Công ty vẫn thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh trên nguyên tắc thận trọng, bảo toàn vốn. Tập trung vào giải quyết các dự án dở dang còn đang tồn tại. Vì vậy, sản lượng và doanh thu không đạt theo kế hoạch đề ra.

- Hàng tồn kho lớn do ảnh hưởng một số chính sách kinh tế vĩ mô và nhu cầu của thị trường;

- Doanh thu dở dang của một số công trình, dự án không thể quyết toán được do một số Chủ đầu tư chậm trễ không có thiện chí trong công tác quyết toán, xác định giá trị công nợ và thanh toán cho Công ty. Trong năm 2014, Công ty chỉ có xác định thêm doanh thu từ giá trị dở dang của một số công trình như Sông Tranh 2 (2,1 tỷ); Pleipai (1,9 tỷ); Công trình Phân ranh mặn ngọt Sóc Trăng - Bạc Liêu (1,16 tỷ) với doanh thu không đáng kể so với giá trị sản lượng dở dang (hàng tồn kho) của Công ty;

- Công tác thu hồi công nợ mặc dù đã được triển khai nhưng một số đối tác như Công ty Cổ phần Đầu tư HD, Công ty Cổ phần thủy điện Bình Điền, Tổng 4, Công ty Bitexco Nho Quế... vẫn chậm trễ không có thiện chí thanh toán các khoản công nợ, chưa có biện pháp hữu hiệu để tiến hành thu hồi công nợ.

- Chi phí sản xuất kinh doanh vẫn còn ở mức cao do biến động của thị trường và khó khăn của nền kinh tế (lãi vay và thời gian thu hồi vốn chậm) làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh và không điều chỉnh giá cũng như thu hồi vốn kịp thời.

- Công tác tài chính: Ngân hàng thắt chặt, cắt giảm hạn mức tín dụng tăng tài sản thế chấp dẫn đến mất cân đối nguồn vốn và kế hoạch tài chính Công ty không đáp ứng kịp;

- Công tác quản lý, rà soát, sử dụng máy móc, thiết bị, tài sản đã được triển khai quyết liệt. Một số tài sản dư thừa, không sử dụng đã được đề xuất bán thanh lý; tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số tài sản không được sử dụng trong thời gian dài dẫn đến hư hỏng, mất mát như trạm trộn bê tông đầm lăn tại Hương Điền, Bình Điền...

Công tác quản lý vật tư gắn với sản lượng tại các công trường tập trung về đầu mối quản lý Công ty tạo ra sự thống nhất về phương pháp quản lý, điều tiết dòng tiền. Công tác cung ứng vật tư, quản lý, giám sát các công trường hiệu quả hơn trước.

2. Phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2015:

Năm 2015 được dự báo là năm doanh nghiệp và nền kinh tế sẽ phát triển theo hướng tích cực, lãi suất ngân hàng đã có xu hướng giảm, thị trường BĐS đã có những bước khởi sắc nhất định. Căn cứ vào năng lực; khả năng sản xuất kinh doanh của MECO và hợp đồng đã ký với các đối tác, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã xây dựng kế hoạch SXKD cho năm tài chính 2015 (niên độ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến hết 31/12/2015) như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2014	KH năm 2015	Tỷ lệ
	<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>2/I</i>
1	SẢN LƯỢNG	10⁶đ	560.371	554.985	99,04%
-	Xây lắp	"	148.254	266.506	179,76%
-	Sản xuất CN	"	32.900	51.799	157,44%
-	Kinh doanh TM	"	379.217	230.000	60,65%
-	Đầu tư kinh doanh BĐS		-	6.680	
2	DOANH THU	10⁶đ	1.199.414	846.817	70,25%
-	Xây lắp	"	120.771	280.229	232%
-	Sản xuất CN	"	7.653	52.199	682%
-	Kinh doanh TM và DV	"	421,333	230.000	54,58%
-	DT Kinh doanh BĐS	"	649.657	284.389	43,73%
3	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	10⁶đ	38.377	39.951	103,5%

Đồng thời HĐQT, ban Tổng giám đốc Công ty cũng đã đưa ra các giải pháp cần thiết để hoàn thành các mục tiêu đề ra trong năm 2015, cụ thể như sau:

2.1. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty:

2.1.1 Về điều hành trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tập trung điều hành thi công đúng tiến độ, hiệu quả công trình Hồ chứa nước Bàn Mòng (Sơn La) với giá trị sản lượng ước tính 42 tỷ đồng; Hồ chứa nước Iamor (Gia Lai) với giá trị sản lượng ước tính 45 tỷ đồng; Dự án thủy điện Nậm Hóa 1 với giá trị sản lượng ước tính 75 tỷ đồng; Dự án nhà Đổng Phát - Hoàng Mai với giá trị sản lượng ước tính 100 tỷ đồng;

- Tập trung chỉ đạo hoàn thành toàn bộ dự án Khu nhà ở và văn phòng 102 Trường Chinh, vận hành khai thác khu thương mại dịch vụ đúng tiến độ;

- Tập trung hoàn thành dự án thủy điện Nậm Hóa 2 công suất 8MW phát điện thương mại trong thời gian sớm nhất để thu hồi vốn đầu tư và tiến hành thực hiện dự án thủy điện Nậm Hóa 1 đúng tiến độ để nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư;

- Khai thác hiệu quả các dự án đã hoàn thành phát điện như thủy điện Văn Chấn và có thể thoái vốn.

- Tiếp tục thu xếp vốn triển khai dự án bất động sản, thủy điện: Dương Nội, Long Hưng, Khánh Khê - Lạng Sơn, Suối Choang - Nghệ An.

- Tập trung chỉ đạo công tác thu hồi vốn tại các công trình như: Thủy điện Bình Điền; Hương Điền; Nho Quế 3; Sông Tranh 2; Đak'Tih...

- rà soát lại các thiết bị và có phương án quản lý tài sản, máy móc, thiết bị bằng các biện pháp cho thuê, thanh lý tài sản sử dụng kém hiệu quả nâng cao năng lực sử dụng tài sản của Công ty;

- Tăng cường công tác kế hoạch, quản lý vật tư tại các công trình nhằm tiết kiệm tối đa chi phí vật tư và chủ động .

- Xây dựng kế hoạch SXKD gắn với kế hoạch đầu tư trên cơ sở cân đối các nguồn lực và nhu cầu thị trường, mục tiêu và định hướng phát triển của Công ty trong các năm tiếp theo đảm bảo Công ty phát triển bền vững;

- Đẩy mạnh hoạt động tự chủ sản xuất kinh doanh các đơn vị thành viên như Công ty Cơ khí Văn Lâm; Công ty CP Bất Động sản Mecos nhằm tập trung nguồn lực, ứng phó linh hoạt với những biến đổi của môi trường kinh doanh còn rất nhiều biến động khó lường;

- Tổ chức công tác quyết toán hoạt động giao khoán nhằm tìm ra những nguyên nhân chủ yếu khiến hiệu quả sản xuất kinh doanh còn rất nhiều hạn chế;

- Tiếp tục đôn đốc các cá nhân thực hiện trách nhiệm của mình trong quá trình thu hồi công nợ và khắc phục hậu quả;

- Quản lý chặt chẽ các hợp đồng thương mại, theo nguyên tắc đảm bảo an toàn vốn và có hiệu quả. Lựa chọn kỹ càng các đối tác và có các biện pháp đảm bảo trong quá trình thanh toán tránh các đối tác chiếm dụng vốn của Công ty;

- Tham gia lựa chọn, liên doanh liên kết với các đơn vị có năng lực, tìm kiếm các công việc mới trên nguyên tắc: Phù hợp năng lực nội tại của Công ty; đảm bảo nguồn vốn thanh toán kịp thời cho công việc hoàn thành; tạo tiền đề để công tác phát triển một cách bền vững;

2.1.2. Về công tác tài chính:

- Chú trọng kiểm soát và công tác cơ cấu nợ ngân hàng, thu hồi công nợ nhanh chóng, đúng hạn để giảm áp lực tài chính của Công ty. Từ đó cải thiện và quản lý hiệu quả chi phí tài chính;

- Tái cơ cấu nguồn vốn nhằm giảm chi phí vay; tập trung thu hồi, thoái vốn các khoản đầu tư tài chính tại các đơn vị liên kết (Thủy điện Văn Chấn, thủy điện Nậm Hóa 2); các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác và các khoản đầu tư tại các dự án mà không có hiệu quả cao hoặc hiệu quả không rõ ràng để tập trung cho các dự án trọng điểm hoặc đang đầu tư dở dang (Thủy điện Khánh Khê, thủy điện Suối Choang...);

- Tập trung cao độ cho công tác thu hồi vốn tại các công trình. Bao gồm cả việc chuyển đổi công nợ từ các đối tác thành vốn góp của công ty; thanh lý tài sản thế chấp; khởi kiện ra tòa án cấp có thẩm quyền; xử lý nghiêm các cá nhân phát sinh các khoản nợ xấu cho công ty...

- Cân đối tài chính kịp thời, ưu tiên cho các dự án trọng điểm, mục tiêu năm 2015 có hiệu quả rõ ràng như dự án: Dự án Khu nhà ở Đồng Phát, Thủy điện Nậm Hóa 1, Dự án Khu đô thị phía Đông huyện Văn Giang và một số công trình xây dựng như Bản Mòng; Iamor..

- Lập kế hoạch tài chính phân bổ rõ nguồn lực cho từng lĩnh vực hoạt động để có kế hoạch sử dụng linh hoạt các nguồn vốn có sẵn và biện pháp xử lý khi xảy ra thiếu hụt nguồn vốn;

- Lựa chọn thời điểm phát hành tăng vốn điều lệ bổ sung nguồn vốn đối ứng dự án và bổ sung vốn lưu động.

2.2. Hoàn thiện hệ thống quản lý và nhân sự Công ty:

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và thương hiệu Mecos;

- Ban hành quy chế lương khoán thưởng, kỷ luật công bằng theo kết quả SXKD và kết quả làm việc của cán bộ công nhân viên. Ban hành chính sách thích hợp để thu hút và giữ chân những cán bộ, công nhân viên có năng lực để đóng góp tích cực hơn nữa vào sự phát triển của công ty;

- Định biên, cắt giảm nhân sự tại một số ban điều hành, ban chỉ huy theo hướng tinh giản, lấy chất lượng thay cho số lượng, tăng cường các nhân sự chất lượng cao trong công tác điều hành hoạt động sản xuất trực tiếp;

- Xây dựng mô hình quản lý đồng bộ, phân cấp trách nhiệm rõ ràng giữa Công ty mẹ và các Công ty thành viên.

- Đào tạo nâng cao năng lực CBCNV. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và đưa vào vận hành các chính sách, quy định, quy trình hoạt động của các bộ phận nhân sự, kinh doanh, cung ứng tài chính... nhằm quản lý công ty hiệu quả và chuyên nghiệp hơn.

- Tuyển dụng bổ sung, đào tạo nâng cao đội ngũ nhân sự quản lý hiện tại.

2.3. Công tác quản trị:

- Quản trị nhân sự: theo hướng tinh gọn, hiệu quả, gắn kết từng nhân sự vào từng vị trí công việc cụ thể, hoàn thiện cơ chế đào tạo và đãi ngộ để phát huy hiệu quả của nguồn nhân lực theo chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;

- Quản trị tài chính: Xây dựng kế hoạch tài chính gắn liền với công tác quản trị chi phí, quản trị rủi ro của từng dự án. Tổ chức huy động nguồn đảm bảo cho kế hoạch sản xuất kinh doanh mà đại hội cổ đông đã thông qua nhiều kênh khác nhau để giảm thiểu chi phí vốn một cách tối đa. Áp dụng cơ chế thế chấp tài sản đối với các cá nhân, đơn vị trực thuộc trong công ty trong công tác hỗ trợ, vay vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh;

- Quản trị tài sản: Xây dựng kế hoạch sử dụng tài sản phù hợp với chiến lược sản xuất kinh doanh; kiên quyết xử lý các tài sản khai thác không hiệu quả (thanh lý các thiết bị dư thừa, hư hỏng, hiệu quả khai thác thấp...); Tổ chức đánh giá định kỳ tình trạng các tài sản để có giải pháp phù hợp với từng giai đoạn;

- Quản trị kế hoạch sản xuất: Bám sát chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm đã được ĐHCĐ phê duyệt, xây dựng kế hoạch sản xuất ngắn hạn từng tháng, từng quý để phát hiện và điều chỉnh kịp thời những vướng mắc;

- Quản trị đầu tư: Đánh giá cụ thể lợi ích của từng dự án đầu tư trong từng giai đoạn; xác định những chi phí cơ hội và những rủi ro tiềm tàng có thể xảy ra đối với tình dự án để có những quyết định đầu tư hợp lý.

V. Quản trị Công ty.

1. Hội đồng quản trị:

➤ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị Công ty năm 2014 gồm 05 người

1. Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng giám đốc.
2. Ông Nguyễn Bình Dương - Thành viên HĐQT
3. Ông Nguyễn Văn Huyền - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
4. Ông Lê Hà Giang - Thành viên HĐQT - thành viên độc lập không điều hành
5. Ông Đỗ Hiệp Hòa - Thành viên HĐQT - thành viên độc lập không điều hành

➤ Hoạt động của các Thành viên HĐQT:

Năm 2014, các thành viên HĐQT tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đã phân công đối với từng thành viên theo một số lĩnh vực như sau:

* Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng giám đốc - Thành viên độc lập điều hành

- Phụ trách chung các công việc thuộc quyền và nhiệm vụ của HĐQT;
- Phụ trách lĩnh vực tài chính;
- Trực tiếp phụ trách đầu tư và kinh doanh Dự án 102 Trường Chinh;
- Phụ trách quan hệ công chúng và quan hệ cổ đông.
- Điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Phụ trách lĩnh vực kế hoạch sản xuất kinh doanh, hành chính, tổ chức, nhân sự;
- Phụ trách đối nội, đối ngoại.

* Ông Lê Hà Giang - Thành viên HĐQT - Thành viên độc lập không điều hành: Phụ trách lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản.

* Ông Đỗ Hiệp Hòa - Thành viên HĐQT - Thành viên độc lập không điều hành:

- Phụ trách việc phát hành chứng khoán và thu xếp vốn;
- Đầu tư tài chính, mua bán và sáp nhập doanh nghiệp.

* Ông Nguyễn Văn Huyền - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

- Phụ trách lĩnh vực xây lắp;
- Phụ trách đầu tư xây dựng thủy lợi, thủy điện, các dự án năng lượng; quản lý, vận hành, kinh doanh điện.

Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, quyết nghị các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, xây dựng chiến lược phát triển và thực hiện giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc, giám sát việc sử dụng vốn và tài sản của Công ty, việc bổ nhiệm các vị trí quản lý cấp cao ...

➤ Các cuộc họp của HĐQT:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Ngọc Bình	Chủ tịch HĐQT	4	4/4	
2	Ông Nguyễn Bình Dương	Thành viên HĐQT	4	4/4	
3	Ông Lê Hà Giang	Thành viên HĐQT	4	4/4	
4	Ông Nguyễn Văn Huyền	Thành viên HĐQT	4	4/4	
5	Ông Đỗ Hiệp Hòa	Thành viên HĐQT	4	4/4	

Các nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	03/2014/BB-HĐQT	18/3/2014	Biên bản họp kiêm quyết nghị của HĐQT về việc: Cơ cấu lại toàn bộ khoản vay ngắn hạn tại NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa
2	04/2014/BB-HĐQT	20/3/2014	Biên bản họp HĐQT về việc: cam kết chuyển doanh thu từ các HĐKT được SHB bảo lãnh hoặc tài trợ vốn về tài khoản tại SHB
3	05/2014/BB-HĐQT	10/7/2014	Biên bản kiêm quyết nghị về việc: góp vốn đối ứng với phần vốn vay cho CTTĐ Nậm Hóa 1; thay nghĩa vụ trả nợ cho Công ty CP Đầu tư thủy điện Anpha
4	06/2014/BB-HĐQT	19/9/2014	Biên bản họp về việc: Thay đổi người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tại Công ty CP Đầu tư thủy điện Anpha

➤ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/ vốn góp của thành viên HĐQT:**

Vốn điều lệ đầu kỳ, ngày 18/4/2014 : 57.510.000.000 đồng

Vốn điều lệ tính đến thời điểm báo cáo : 57.510.000.000 đồng

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần đầu kỳ	Thay đổi tỷ lệ nắm giữ
			(ngày 18/4/2014)	(tính đến ngày 27/01/2015)
1	Nguyễn Ngọc Bình	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc	5.496.825 cổ phần (9,56% vốn điều lệ)	5.496.825 cổ phần (9,56% vốn điều lệ)
2	Nguyễn Bình Dương	TV HĐQT	8.120 cổ phần (0,02% vốn điều lệ)	8.120 cổ phần (0,02% vốn điều lệ)
3	Lê Hà Giang	TV HĐQT	10.000 cổ phần (0,02% vốn điều lệ)	10.000 cổ phần (0,02% vốn điều lệ)
4	Nguyễn Văn Huyền	TV HĐQT	26.400 cổ phần (0,05 % vốn điều lệ)	26.400 cổ phần (0,05 % vốn điều lệ)
5	Đỗ Hiệp Hòa	TV HĐQT	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)	0 cổ phần (0,0% vốn điều lệ)

2. Ban Kiểm soát:

➤ Danh sách thành viên Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát năm 2014 có 3 thành viên đều là thành viên độc lập không điều hành, bao gồm:

1. Ông Nghiêm Thị Mai Hoa - Trưởng ban kiểm soát - thành viên độc lập không điều hành.
2. Ông Nguyễn Tiến Hiền - thành viên BKS - thành viên độc lập không điều hành.
3. Bà Đặng Thị Hoàng Anh - thành viên BKS - thành viên độc lập không điều hành.

➤ Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/ vốn góp của thành viên Ban Kiểm soát:

Vốn điều lệ đầu kỳ, ngày 18/4/2014: 57.510.000.000 đồng

Vốn điều lệ tính đến thời điểm báo cáo: 57.510.000.000 đồng

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Nghiêm Thị Mai Hoa	Trưởng BKS	3.700	0,006	3.700	0,006	
2	Nguyễn Tiến Hiền	TV BKS	0	0	0	0	
3	Đặng Thị Hoàng Anh	TV BKS	0	0	0	0	

➤ Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và hệ thống quản lý của Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện và kế hoạch của Công ty năm 2014, đã được Đại hội cổ đông thông qua.

Thực hiện giám sát và phối hợp với Ban Tổng giám đốc tổ chức kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của đơn vị thành viên trong Công ty. Trực tiếp làm việc với Ban lãnh đạo trong Công ty nhằm phát hiện những rủi ro hoặc những thiếu sót để kiến nghị những giải pháp phù hợp đối với Ban lãnh đạo, điều hành Công ty và các đơn vị;

Theo dõi, kiểm tra việc xây dựng quy chế, quy định của Công ty và việc thực hiện các quy chế, quy định đã ban hành;

Xem xét việc thực hiện quy trình, trình tự, thủ tục hồ sơ các Dự án đầu tư của Công ty;

Năm 2014 lựa chọn công ty kiểm toán là Công ty TNHH kiểm toán và kế toán Hà Nội theo đúng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Thẩm định Báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh (quý, 6 tháng và một năm) của Công ty, xem xét các chỉ số, tỷ trọng.

Tham gia rà soát kiểm tra một số công trình công ty đang triển khai thi công: Bàn Mông, Iamor, Đồng Phát...

Tham gia quyết toán năm các công trình, đơn vị phụ thuộc trong công ty cùng ban điều hành và các phòng ban trong công ty.

Tham gia tất cả các cuộc họp và giao ban của ban điều hành và HĐQT.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát:

a. Tiền lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

➤ **Thù lao, các khoản lợi ích khác và các chi phí cho thành viên HĐQT/ thành viên Ban kiểm soát.**

TT	Chi tiết	Số người	Thu nhập trung bình tháng	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị			
1	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách	1	5.000.000	60.000.000
2	Thành viên HĐQT không chuyên trách	4	2.000.000	96.000.000
	Cộng I			156.000.000
II	Ban Kiểm soát			
1	Trưởng Ban kiểm soát không chuyên trách	1	2.000.000	24.000.000
2	Thành viên BKS không chuyên trách	2	1.000.000	24.000.000
	Cộng II			48.000.000
	Cộng I+II			204.000.000

➤ **Tiền lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và các chi phí cho thành viên Ban Tổng giám đốc:**

STT	Chi tiết	Số người	Thu nhập trung bình tháng (đồng)	Tổng cộng
1	Lương Tổng Giám đốc bình quân	1	19.869.807	238.437.682
2	Lương Phó Tổng giám đốc bình quân	4	14.935.921	537.693.150

- b. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/ chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

Giao dịch cổ phiếu của Thành viên HĐQT (từ 18/4/2014 đến thời điểm 27/01/2015):

Tổng số cổ phiếu để tính tỷ lệ sở hữu đầu kỳ: 52.050.000 cổ phiếu
 Tổng số cổ phiếu để tính tỷ lệ sở hữu cuối kỳ: 52.050.000 cổ phiếu

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Công ty CP Chứng khoán MB	TV HĐQT	5.120.220	9,84	2.640.715	5,07	Bán

Giao dịch cổ phiếu của Thành viên BKS (từ 18/4/2014 đến thời điểm báo cáo): Không.

Giao dịch cổ phiếu của người có liên quan của cổ đông nội bộ khác (từ 18/4/2014 đến thời điểm báo cáo): Không.

VI. Báo cáo tài chính.

1. Ý kiến kiểm toán: Có tài liệu đính kèm.
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

2.1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Stt	Chi tiêu	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
I	Tài sản ngắn hạn	1.316.674.717.363	1.961.147.830.687
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	26.140.430.913	31.551.324.226
1.2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	13.644.434.456	205.406.100
1.3	Các khoản phải thu ngắn hạn	522.434.645.067	700.835.054.943
1.4	Hàng tồn kho	687.445.637.101	1.192.932.434.009
1.5	Tài sản ngắn hạn khác	67.009.569.826	35.623.611.409
II	Tài sản dài hạn	943.092.325.742	822.662.023.942
2.1	Tài sản cố định	411.186.819.572	312.891.060.046
	- Tài sản cố định hữu hình	32.214.435.685	55.636.452.265
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Tài sản cố định vô hình		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	378.972.353.887	257.254.607.781
2.2	Bất động sản đầu tư		
2.3	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	531.548.308.090	509.227.330.162
2.4	Tài sản dài hạn khác	357.198.080	543.633.734
2.5	Lợi thế thương mại		
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (I+II)	2.259.767.043.105	2.783.809.854.629
I	Nợ phải trả	1.684.910.927.761	2.251.609.528.640
1.1	Nợ ngắn hạn	1.154.722.883.021	1.602.539.757.221
1.2	Nợ dài hạn	530.188.044.740	649.069.771.419
II	Nguồn vốn chủ sở hữu	566.159.072.154	527.892.616.123
2.1	Vốn chủ sở hữu	566.099.175.487	527.811.244.512
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	575.100.000.000	575.100.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	32.960.749.348	169.300.618.000

	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ	(73.426.398.513)	(73.426.398.513)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Quỹ đầu tư phát triển	22.847.338.071	22.847.338.071
	- Quỹ dự phòng tài chính	5.969.920.684	5.969.920.684
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.647.565.897	(171.980.233.730)
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2.2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	59.896.667	81.371.611
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	59.896.667	81.371.611
III	Lợi ích cổ đông thiểu số	8.697.043.190	4.307.709.866
	NGUỒN VỐN (I+II+III)	2.259.767.043.105	2.783.809.854.629

(Nguồn: Trích BCTC hợp nhất năm 2014)

2.2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Stt	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.199.414.139.245	802.252.531.523
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.199.414.139.245	802.252.531.523
4	Giá vốn hàng bán	1.122.709.919.616	902.773.568.611
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	76.704.219.629	(100.521.037.088)
6	Doanh thu hoạt động tài chính	5.518.976.094	30.588.903.805
7	Chi phí tài chính	42.258.421.480	106.446.558.430
8	Chi phí bán hàng	1.205.515.040	607.734.010
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.881.484.459	4.934.968.171
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	24.877.774.744	(181.921.393.894)
11	Thu nhập khác	18.578.327.779	12.111.410.967
12	Chi phí khác	18.054.092.680	9.932.568.932
13	Lợi nhuận khác	524.235.099	2.178.842.035
14	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	16.534.495.416	3.329.639.527
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	41.936.505.259	(176.412.912.332)
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.559.240.959	94.061.152
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		3.695.852
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38.377.264.300	(176.510.669.336)
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	89.333.325	21.441.228
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	38.287.930.975	(176.532.110.564)
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	736	(3.392)

(Nguồn: Trích BCTC hợp nhất năm 2014)

2.3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Stt	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	41.936.505.259	(176.412.912.332)
2	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>	(12.543.413.258)	195.555.387.698
	Khấu hao tài sản cố định	9.624.960.865	9.050.295.687
	Các khoản dự phòng	505.435.627	122.668.346.113
	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	13.518.094	457.514.983
	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(71.322.453.021)	(6.400.518.056)
	Chi phí lãi vay	48.635.125.177	69.779.748.971
3	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	29.393.092.001	19.142.475.366
	Tăng, giảm các khoản phải thu	190.296.207.235	(70.125.817.470)
	Tăng, giảm hàng tồn kho	513.669.307.358	(241.869.879.783)
	Tăng, giảm các khoản phải trả	(447.590.996.035)	285.283.719.897
	Tăng, giảm chi phí trả trước	373.397.692	1.693.552.419
	Tiền lãi vay đã trả	(83.728.403.878)	(89.214.749.005)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(5.247.386.807)	(4.513.575.174)
	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.635.672.195	9.089.105.535
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.889.742.195)	(413.256.160)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	196.911.147.566	(90.928.424.375)
II	Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư		
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(79.138.177.621)	(33.852.236.352)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản khác dài hạn	83.154.137.155	11.559.160.498
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(28.106.005.556)	
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	16.078.200.000	47.057.500.000



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82

Email: cpahanoi@fpt.vn

Fax: (84) 4 3974 5083

Website: www.cpahanoi.com

AICA

Số: 22 /2015/BCKT/BCTC - CPA HANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam được lập ngày 12/02/2015, từ trang 09 đến trang 38 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI



Tổng Giám đốc

NGUYỄN NGỌC BÌNH

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Số: 0132-2013-016-1*

Kiểm toán viên

LÊ VĂN DÒ

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Số: 0231-2013-016-1*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NĂM 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam, gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Cơ điện xây dựng nông nghiệp và thủy lợi Hà Nội, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng công ty Cơ điện và Xây dựng thủy lợi, được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số: 4465/QĐ/BNN-TCCB ngày 09/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp về việc chuyển Công ty Cơ điện xây dựng nông nghiệp và thủy lợi Hà Nội thành Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng. Tháng 6 năm 2007 đổi tên Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng thành Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam (MECO). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103009916 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 11 năm 2005. Trong quá trình hoạt động, Công ty có 12 lần thay đổi đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 8 với mã số doanh nghiệp 0100103295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 12 vào ngày 15/8/2011.

Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: **575.100.000.000 đ** (*Năm trăm bảy mươi lăm tỷ một trăm triệu đồng*).

Công ty có trụ sở tại: Ngõ 102 đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực hoạt động của Công ty:

- Xây dựng nhà các loại; Hoàn thiện công trình xây dựng; Xây dựng công trình công ích;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Phá dỡ; Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp (không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết; Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện;
- Xây dựng, lắp đặt đường dây tải điện, trạm biến áp đến 220 KV;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;

- Bán buôn các loại gốm, sứ, thủy tinh, đồ dùng nội thất, nước hoa, mỹ phẩm...;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác; Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư; Cho thuê máy móc thiết bị; Kinh doanh đại lý xăng dầu; Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện, khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà cao tầng;
- Chế tạo, lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi và thủy điện; Chế tạo, lắp đặt và sửa chữa công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp; chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép;
- Nạo vét sông ngòi, cửa sông, cửa biển; Sản xuất bê tông đầm lăn và bê tông các loại; Xây dựng giao thông đường bộ và đường sắt; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
- Khoan phụt vữa, xi măng, gia cố chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng; Chống thấm nền và thân đê, than đập công trình thủy lợi, thủy điện;
- Khai thác khoáng sản, tài nguyên; Khai thác vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi) bao gồm cả khảo sát, thăm dò và chế biến (trừ các Khoáng sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gương, kính, ván nhân tạo; Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lữ hành (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);
- Về xây dựng: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; xây dựng công trình thủy lợi: hồ đầu mối, kênh mương, kè và đập; Xây lắp các công trình dân dụng, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường;
- Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Chế tạo tủ điện hạ thế, tủ điều khiển trung tâm phục vụ thủy lợi và công nghiệp chế biến; Sản xuất và kinh doanh điện;
- Về cơ khí và điện: chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phục vụ cho ngành nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng; Chế tạo thiết bị nâng hạ máy và thiết bị dây chuyền chế biến nông sản: cà phê, mía, đường, chè; Lắp ráp xe tải nhỏ phục vụ nông thôn; Thiết kế và sản xuất các loại bơm đến 8.000m³/h.

Danh sách các công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty Cổ phần đầu tư thủy điện Anpha	Số 214, đường Tô Hiệu, thành phố Sơn
Tỷ lệ quyền biểu quyết 97,5%, tỷ lệ lợi ích 98%	La, tỉnh Sơn La

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty CP Đầu tư và phát triển điện MECO	Ngõ 102 - Trường Chinh - Hà Nội
Tỷ lệ quyền biểu quyết 89%, tỷ lệ lợi ích 100%	
Công ty cổ phần thủy điện Thác Xăng	2A14 tổ 1D, phường Trung Liệt, quận
Tỷ lệ quyền biểu quyết 80%, tỷ lệ lợi ích 99%	Đống Đa, Hà Nội
Công ty cổ phần khoáng sản MECO	Thôn Đồng Lạt, xã Trung Sơn, huyện
Tỷ lệ quyền biểu quyết 75%, tỷ lệ lợi ích 92%	Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
Công ty cổ phần Bất động sản MECO	Ngõ 102 - Trường Chinh - Hà Nội
Tỷ lệ quyền biểu quyết 90%, tỷ lệ lợi ích 76%	

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2009 sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức Sổ kế toán trên máy vi tính.

3. Chuẩn mực kế toán áp dụng:

Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các Chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

1. Ước tính kế toán:

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty do Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Trình tự và phương pháp hợp nhất:

Hợp cộng các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty mẹ và công ty con;

Loại trừ toàn bộ giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ trong từng công ty con và phần vốn của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con và ghi nhận lợi thế thương mại (nếu có);

Phân bổ lợi thế thương mại;

Tách và trình bày lợi ích của cổ đông thiểu số thành chỉ tiêu riêng biệt;

Loại trừ toàn bộ các giao dịch nội bộ trong toàn công ty;

Lập bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh và bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất;

Lập Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ vào bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất sau khi đã được điều chỉnh và loại trừ.

Đối với các chỉ tiêu về tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí được trình bày như đã trình bày ở báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và công ty con có điều chỉnh những yếu tố sau khi hợp nhất:

Doanh thu, giá vốn, lãi và công nợ nội bộ;

Vốn đầu tư của công ty mẹ tương ứng phần vốn chủ sở hữu công ty con;

Lợi ích cổ đông thiểu số;

Các chỉ tiêu khác theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

- *Nguyên tắc xác định các khoản tiền:* Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động

đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

- **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:** Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

5.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí dở dang đầu kỳ + chi phí phát sinh trong kỳ - giá trị hoàn thành trong kỳ.

5.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

5.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

5.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng các công trình dở dang được lập căn cứ trên khả năng thu hồi vốn thực tế giảm so với chi phí đầu tư ban đầu của các công trình xây dựng.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác

- **Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

7. Nguyên tắc xác định khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.1. Nguyên tắc xác định khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:

Khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là giá trị khoản phải thu đã phát hành hóa đơn tại thời điểm báo cáo, theo hợp đồng xây dựng đã ký quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch.

8. Ghi nhận TSCĐ và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận theo ba tiêu thức nguyên giá, hao mòn và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao TSCĐ hữu hình được thực hiện theo phương pháp đường thẳng, căn cứ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính và nguyên giá của tài sản. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Mức khấu hao cụ thể như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian sử dụng
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	07 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	04 - 06 năm

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua cổ phiếu, trái phiếu.

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

10. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.
- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.
- Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

14. Các nghĩa vụ về thuế

Công ty áp dụng Chính sách thuế theo quy định của các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá

16. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu trong kỳ của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp các công trình, doanh thu thương mại, dịch vụ, doanh thu từ lãi tiền gửi, thu cổ tức.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được chủ đầu tư xác nhận bằng nghiệm thu từng lần hoặc theo phiếu giá thanh toán, quyết toán của từng hạng mục công việc hoàn thành hoặc toàn bộ công trình xây lắp, hoá đơn tài chính, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá thực hiện và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch giữa giá bán và giá mua. Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động xây lắp được xác định đối với từng hợp đồng, công trình xây dựng riêng biệt và tương ứng với doanh thu trong kỳ, chi phí của từng hợp đồng, công trình đã được ghi nhận. Cụ thể :

- Đối với hoạt động xây lắp: giá vốn được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh nhưng không vượt quá tỷ lệ khoán trên doanh thu đã ghi nhận trong kỳ đối với từng công trình. Tỷ lệ khoán được xác định theo từng hợp đồng giao khoán giữa Công ty và xí nghiệp, chi nhánh và được áp dụng nhất quán cho các kỳ trong suốt quá trình thi công từng công trình.
- Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất kho.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng:

Chi phí của hợp đồng xây dựng gồm: Chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng xây lắp.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính: Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay; Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

22. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

		<i>Đơn vị tính: đồng</i>	
		<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1.	Tiền		
	Tiền mặt	526.829.543	2.158.007.834
	Tiền gửi ngân hàng	25.613.601.370	29.393.316.392
	Cộng	<u><u>26.140.430.913</u></u>	<u><u>31.551.324.226</u></u>
2.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<i>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn</i>		
	Công ty tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành	131.000	1.471.800.000
	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	29.769	342.250.000
	<i>Đầu tư ngắn hạn khác</i>	<u>12.027.805.556</u>	342.250.000
	<i>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</i>		
	Cổ phiếu Công ty tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành	(96.300.000)	-
	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	(101.121.100)	(136.843.900)
	Cộng	<u><u>13.644.434.456</u></u>	<u><u>205.406.100</u></u>
3.	Phải thu của khách hàng	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Phải thu khách hàng công ty mẹ	428.038.876.061	417.396.197.529
	Phải thu khách hàng các công ty con	2.183.116.111	91.237.103.309
	Cộng	<u><u>430.221.992.172</u></u>	<u><u>508.633.300.838</u></u>
4.	Trả trước cho người bán	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Trả trước cho người bán công ty mẹ	63.585.167.598	74.949.688.846
	Trả trước cho người bán các công ty con	16.278.368.121	58.670.044.979
	Cộng	<u><u>79.863.535.719</u></u>	<u><u>133.619.733.825</u></u>
5.	Các khoản phải thu khác	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<i>Các khoản phải thu khác công ty mẹ</i>	<u>24.018.236.545</u>	<u>60.818.599.052</u>
	BHXH, BHYT phải thu của CBCNV	188.460.439	61.154.752
	Phải thu lãi chậm trả tiền hàng	154.323.210	154.323.210
	Cho các tổ chức cá nhân vay	6.604.374.891	10.604.374.891
	Công ty CP Bất động sản MECO	-	-
	Thuế TNDN tạm nộp đối với hoạt động kinh doanh BĐS	1.091.308.838	4.583.785.991
	Thuế GTGT tạm nộp đối với hoạt động kinh doanh BĐS	6.010.502.257	35.683.357.542
	Các khoản phải thu khác	9.969.266.910	9.731.602.666
	<i>Các khoản phải thu khác các công ty con</i>	<u>1.102.881.727</u>	<u>3.594.081.385</u>
	Cộng	<u><u>25.121.118.272</u></u>	<u><u>64.412.680.437</u></u>
	* Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
	Số dự phòng đầu năm	Số trích thêm trong năm	Số hoàn nhập trong năm
	(5.830.660.157)	(6.941.340.939)	-
			Số dự phòng cuối năm
			(12.772.001.096)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

6. Hàng tồn kho

Hàng mua đang đi đường
Nguyên liệu, vật liệu
Công cụ, dụng cụ
Chi phí SX, KD dở dang
Thành phẩm
Hàng hóa
Hàng gửi bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi đường	1.016.686.736	3.395.400
Nguyên liệu, vật liệu	38.961.489.848	36.216.076.088
Công cụ, dụng cụ	84.858.818	84.858.818
Chi phí SX, KD dở dang	684.807.870.101	1.164.545.130.960
Thành phẩm	94.598.520	94.598.520
Hàng hóa	49.003.165.651	78.511.406.796
Hàng gửi bán	118.519.295	118.519.295
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	774.087.188.969	1.279.573.985.877

Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả: không.

Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không.

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn
Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	106.561.789	293.523.827
Cộng	106.561.789	293.523.827

8. Tài sản ngắn hạn khác

Công ty mẹ
Tài sản thiếu chờ xử lý
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược
Tạm ứng
Các công ty con
Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	229.683.272	229.683.272
Tài sản thiếu chờ xử lý	172.600.853	472.550.853
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	19.241.902.148	19.476.439.882
Tạm ứng	43.499.167.087	10.567.076.669
Các công ty con	63.143.353.360	30.745.750.676

9. Tài sản cố định hữu hình <Chi tiết tại phụ lục số 01>

10. Chi phí XDCB dở dang

Công ty mẹ
Mua sắm tài sản cố định
Dự án khu đất 3ha Văn Lâm - Hưng Yên
Dự án khu đô thị MECO - CITY
Các công ty con
Dự án thủy điện Khánh Khê
Dự án Suối Choang - Nghệ An
Dự án thủy điện Nậm Hoá
Dự án mỏ đá Hòa Bình
Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	1.223.229.426	2.132.320.335
Dự án khu đất 3ha Văn Lâm - Hưng Yên	16.732.509.213	16.410.078.227
Dự án khu đô thị MECO - CITY	107.304.540	107.304.540
Các công ty con	14.716.694.045	14.441.574.700
Dự án thủy điện Khánh Khê	22.326.781.214	22.329.350.419
Dự án Suối Choang - Nghệ An	317.539.258.502	195.599.979.941
Dự án thủy điện Nậm Hoá	6.326.576.947	6.233.999.619
Dự án mỏ đá Hòa Bình	378.972.353.887	257.254.607.781

11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Công ty cp cơ điện và XD Hòa Bình

Số lượng	Số cuối năm	Số đầu năm
224.147	2.003.528.515	2.003.528.515

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: 04 3869 3434 Fax: 04 3869 1568

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2014

Công ty cp Thủy Điện Văn Chấn	27.500.000	321.361.830.943	304.406.611.527
Công ty cp XD Thủy lợi MECO Sài Gòn	420.724	2.103.620.000	2.524.344.000
Khu đô thị phí đồng Văn Giang	-	175.000.000.000	175.000.000.000
Công ty cp cơ khí Văn Lâm	-	8.048.082.953	8.048.082.953
Cộng		508.517.062.411	491.982.566.995
12. Đầu tư dài hạn khác	Số lượng	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cp ĐT và PT các KCN Hà Tĩnh	10.500	1.050.000.000	1.050.000.000
Công ty cp BP Tư vấn và đầu tư XD	18.000	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty cp AP MECO	52.000	520.000.000	520.000.000
Công ty cp ván nhân tạo Yên Bái	35.000	2.790.000.000	3.500.000.000
Công ty cp ĐT và PT đô thị Long Giang	2.717.590	53.447.824.939	53.447.824.939
Công ty cp kính Melta	20.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng		61.607.824.939	62.317.824.939
13. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cp ván nhân tạo Yên Bái		(2.793.089.321)	(865.042.833)
Công ty cp ĐT và PT đô thị Long Giang		(35.783.489.939)	(44.208.018.939)
Cộng		(38.576.579.260)	(45.073.061.772)
14. Chi phí trả trước dài hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn		326.265.498	512.701.152
Cộng		326.265.498	512.701.152
15. Vay và nợ ngắn hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn</i>			
Ngân hàng TMCP Công thương CN Đống Đa		-	230.550.349.668
(*) Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Thăng Long		167.159.082.537	236.589.153.700
Ngân hàng NN và PTNT - Chi nhánh Thiệu Hóa		27.250.000	27.250.000
Vay cá nhân, pháp nhân khác		5.158.390.000	44.150.390.000
(**) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thái Nguyên		20.000.000.000	-
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thăng Long		171.574.500.000	608.500.000
Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam		18.288.000.000	12.010.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương CN Đống Đa		53.181.808.112	-
Ngân hàng TMCP bưu điện Liên Việt		15.000.000.000	-
Công ty tài chính CP Điện lực		9.500.000.000	-
Cộng		459.889.030.649	523.935.643.368

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

(*) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long hợp đồng số 276/14/HMTD ngày 15/09/2014 mục đích vay phục vụ cho các dự án của Trung tâm thương mại, lãi suất theo lãi suất tại thời điểm giải ngân được quy định trên từng khế ước nhận nợ, tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của công ty.

(**) Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 102/14/HBTD/TN ngày 24/09/2014 giữa Công ty Cổ phần Bất động sản MECO và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Thái Nguyên về việc cung cấp hạn mức cho vay: 20.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Bất động sản MECO. Thời hạn cho vay là 12 tháng tính từ ngày rút vốn đến ngày trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn. Lãi suất cho vay áp dụng theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên trong từng thời kỳ và cố định trong thời gian hiệu lực của từng giấy nhận nợ. Hình thức đảm bảo: Vay thế chấp. Tài sản thế chấp là tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng số 22/VCB.TNG-MECO/2014 ngày 24/09/2013 trị giá 2.000.000.000 đồng.

Các khoản nợ dài hạn đến hạn trả xem thuyết minh tại mục vay dài hạn.

16. Phải trả người bán

Phải trả người bán công ty mẹ

Phải trả người bán các công ty con

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán công ty mẹ	160.402.014.842	186.337.730.970
Phải trả người bán các công ty con	66.291.799.405	103.670.801.807
Cộng	226.693.814.247	290.008.532.777

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế GTGT

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập cá nhân

Thuế nhà đất, tiền thuê đất

Các loại thuế khác

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT	21.807.739.219	9.628.200.764
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(332.772.530)	4.847.850.471
Thuế thu nhập cá nhân	245.614.659	132.454.131
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	153.303.911	153.303.911
Các loại thuế khác	2.436.029.152	2.474.079.152
Cộng	24.309.914.411	17.235.888.429

18. Chi phí phải trả

Chi phí lãi vay phải trả

Lãi trái phiếu phải trả

Chi phí công trình

Chi phí hỗ trợ di dời

Chi phí trích trước khác

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	39.095.400.552	56.703.330.382
Lãi trái phiếu phải trả	794.698.889	1.395.406.000
Chi phí công trình	12.024.099.732	24.502.293.359
Chi phí hỗ trợ di dời	1.620.400.273	1.620.400.273
Chi phí trích trước khác	3.272.064.454	111.933.727
Cộng	56.806.663.900	84.333.363.741

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Bảo hiểm xã hội

Bảo hiểm thất nghiệp

Kinh phí công đoàn

Cổ tức lợi nhuận phải trả

Phải trả về cổ phần hóa

BQLDA Khu đô thị mới phía đông huyện Văn Giang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	935.567.508	1.649.337.028
Bảo hiểm thất nghiệp	58.226.419	235.112.765
Kinh phí công đoàn	814.377.812	1.010.905.318
Cổ tức lợi nhuận phải trả	2.770.883.026	2.770.883.026
Phải trả về cổ phần hóa	252.180.000	252.180.000
BQLDA Khu đô thị mới phía đông huyện Văn Giang	140.286.222.222	140.286.222.222

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04 3869 3434 Fax: 04 3869 1568

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2014

Tiền nhận đặt cọc	910.625.000	-
Phí bảo trì các căn hộ chung cư	14.513.926.458	-
Vay các đối tượng khác	30.870.081.100	8.564.331.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.749.420.025	19.043.287.609
Các khoản phải trả, phải nộp khác của các công ty con	2.059.474.362	-
Cộng	208.220.983.932	173.812.258.968
20. Vay và nợ dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn</i>	<i>516.374.478.320</i>	<i>616.244.165.892</i>
a/ Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	18.562.000.000	37.062.000.000
b/ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam CN Hà Nội	204.994.477	204.994.477
c/ Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - CN Thăng Long	160.234.000.000	347.999.224.108
d/ Ngân hàng TMCP Công thương CN Đống Đa	127.937.266.518	12.236.371.850
e/ Ngân hàng TMCP bưu điện Liên Việt	60.000.000.000	75.000.000.000
f/ Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam CN Sơn La	149.436.217.325	143.741.575.457
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>750.000.000</i>	<i>22.300.000.000</i>
Trái phiếu (*)	750.000.000	22.300.000.000
Cộng	517.124.478.320	638.544.165.892

(a) Khoản vay dài hạn Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam theo hợp đồng số 01.39/2013/HĐTD ngày 01/07/2013; hợp đồng cầm cố tài sản số 01.3709365/2012/HĐCCCP ngày 28/02/2012; hợp đồng 02.3709365/2012/HĐCCCP ngày 24/04/2012 mục đích vay phục vụ cho các dự án công ty đang thực hiện, lãi suất tại thời điểm giải ngân được quy định trên từng kế ước nhận nợ, tài sản đảm bảo là sổ cổ phiếu LGL mà công ty đang nắm giữ.

(c) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - CN Thăng Long theo hợp đồng số 03/07/NHNT.TL ngày 29/11/2007; Hợp đồng số 04/07/NHNT.TL ngày 29/11/2007; hợp đồng số 01/2012/HĐTH/VCBTL-MECO ngày 10/08/2012; Hợp đồng 01/2013/HĐTH/VCBTL - MECO ngày 28/06/2013, mục đích vay phục vụ cho dự án tòa nhà tổ hợp văn phòng, chung cư 102 Trường Chinh, Hà Nội, lãi suất tại thời điểm giải ngân được quy định trên từng kế ước nhận nợ, tài sản đảm bảo là tài sản cố định hình thành trong tương lai từ dự án.

(d) Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Công thương - chi nhánh Đống Đa, mục đích vay phục vụ cho các dự án công ty đang thực hiện, lãi suất tại thời điểm giải ngân được quy định trên từng kế ước nhận nợ, tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ tại các công trình của công ty.

(e) Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt theo hợp đồng số: M11013003/HMTD Liên Việt Post bank TL ngày 06/06/2013, mục đích vay phục vụ cho các dự án công ty đang thực hiện, lãi suất tại thời điểm giải ngân được quy định trên từng kế ước nhận nợ, tài sản đảm bảo là: vốn góp tại cổ phần thủy điện Văn Chấn.

(f) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Sơn La số tiền theo hợp đồng vay số 02/02/2011/HDDTDNH2 ngày 22/04/2011, mục đích vay phục vụ đầu tư xây dựng Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Hóa 2. Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là tài sản cố định hình thành trong tương lai từ dự án.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

(*) Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi, kỳ hạn 36 tháng, lãi suất trái phiếu 12%/năm để bổ sung nguồn vốn đầu tư vào các dự án của Công ty, trả lãi định kỳ 1 năm/1 lần, lãi không nhập gốc. Tỷ lệ chuyển đổi: 1 trái phiếu có mệnh giá 100.000 đồng sẽ được chuyển đổi 10 cổ phiếu phổ thông. Thời gian chuyển đổi: 20% sau 12 tháng; 30% sau 24 tháng và 50% sau 36 tháng. Trường hợp tại các ngày chuyển đổi trái chủ không thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phổ thông, khi đó trái chủ sẽ được Công ty thanh toán gốc và lãi trái phiếu năm cuối bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tại ngày đáo hạn trái phiếu.

21. Vốn chủ sở hữu

21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại Phụ lục số 02>

22.2 Chi tiết vốn cơ cấu tỷ lệ cổ đông sở hữu

	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông Nhà nước	302.300	0,53%
Cổ đông lớn <sở hữu từ 5% vốn CP trở lên>		
- Nguyễn Ngọc Bình	5.496.825	9,56%
Công đoàn công ty	80.000	0,14%
Cổ phiếu quỹ	5.460.000	9,49%
Cổ đông khác	46.170.875	80,28%
Cộng	57.510.000	100%

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	575.100.000.000	575.100.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	575.100.000.000	575.100.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

21.4 Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	57.510.000	57.510.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	57.510.000	57.510.000
Cổ phiếu phổ thông	57.510.000	57.510.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại:	5.460.000	5.460.000
Cổ phiếu phổ thông:	5.460.000	5.460.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	52.050.000	52.050.000
Cổ phiếu phổ thông	52.050.000	52.050.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

21.5 Các quỹ của doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Quỹ đầu tư phát triển	22.847.338.071	22.847.338.071
Quỹ dự phòng tài chính	5.969.920.684	5.969.920.684
Cộng	28.817.258.755	28.817.258.755

Các quỹ của doanh nghiệp được trích căn cứ theo Điều lệ công ty. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp: để dự phòng rủi ro có thể xảy ra và đầu tư phát triển doanh nghiệp theo chiều sâu.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH <VND>

	Năm nay	Năm trước
22. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa	410.876.671.988	672.769.225.067
Doanh thu kinh doanh bất động sản	649.657.528.177	-
Doanh thu hoạt động xây dựng	128.423.490.970	121.154.320.322
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.456.448.110	8.328.986.134
Cộng	1.199.414.139.245	802.252.531.523
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
23. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa	410.876.671.988	672.769.225.067
Doanh thu kinh doanh bất động sản	649.657.528.177	-
Doanh thu hoạt động xây dựng	128.423.490.970	121.154.320.322
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.456.448.110	8.328.986.134
Cộng	1.199.414.139.245	802.252.531.523
24. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	410.061.116.144	675.823.878.234
Giá vốn kinh doanh bất động sản	581.443.487.718	-
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	122.617.994.470	222.524.208.658
Giá vốn khác	8.587.321.284	4.425.481.719
Cộng	1.122.709.919.616	902.773.568.611
25. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.188.447.029	474.751.963
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	3.078.900.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.034.833.750	620.011.200
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	2.656.160
Lãi bán hàng trả chậm	3.117.375.315	24.121.372.602
Lãi kinh doanh chứng khoán	178.320.000	2.291.211.880
Cộng	5.518.976.094	30.588.903.805
26. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	48.635.125.177	69.779.748.971
Chi phí giao dịch chứng khoán	45.683.521	-
Chênh lệch tỷ giá	13.518.094	622.298.290
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn dài hạn	(6.435.905.312)	36.026.794.245
Chi phí tài chính khác	-	17.716.924
Cộng	42.258.421.480	106.446.558.430

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

	Năm nay	Năm trước
27. Chi phí bán hàng		
Chi phí cho nhân viên	816.512.090	407.118.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	138.567.055
Chi phí bằng tiền khác	389.002.950	62.048.745
Cộng	1.205.515.040	607.734.010
28. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí cho nhân viên	2.247.017.893	984.058.070
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	99.984.016	96.902.035
Chi phí đồ dùng văn phòng	55.608.776	35.899.251
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.065.596	-
Thuế phí và lệ phí	4.420.000	129.600
Chi phí dự phòng	6.941.340.939	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	842.121.498	1.182.044.652
Chi phí bằng tiền khác	332.937.025	727.140.339
Chi phí quản lý của các công ty con	3.343.988.716	1.908.794.224
Cộng	13.881.484.459	4.934.968.171
29. Thu nhập khác		
Thu tiền thanh lý tài sản cố định	15.948.909.091	12.003.749.998
Chênh lệch đánh giá tài sản đem góp vốn	1.228.621.292	-
Thu nhập khác	797.396	17.660.969
Thu nhập khác của các công ty con	1.400.000.000	90.000.000
Cộng	18.578.327.779	12.111.410.967
30. Chi phí khác		
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	13.952.647.466	9.332.305.605
Thuế bị phạt, truy thu	3.500.000	131.203.827
Chi phí thanh lý TSCĐ	10.363.636	5.192.409
Chi phí sửa chữa xe	-	439.397.091
Chi phí khác	2.782.581.578	24.470.000
Chi phí khác của các công ty con	1.305.000.000	-
Cộng	18.054.092.680	9.932.568.932
31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế:	41.936.505.259	(176.412.912.332)
<i>trong đó:</i>		
- Hoạt động kinh doanh bất động sản	15.874.896.150	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04 3869 3434 Fax: 04 3869 1568

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2014

- Hoạt động xây lắp và kinh doanh khác	26.061.609.109	-
Các khoản điều chỉnh tăng:	77.500.000	200.979.830
- Phạt vi phạm hành chính	3.500.000	131.203.827
- Chi phí không được trừ	-	1.320.003
- Thù lao HDQT, BKS không trực tiếp điều hành	74.000.000	68.456.000
Các khoản điều chỉnh giảm:	198.033.338.843	3.964.434.136
- Phần lãi lỗ trong công ty liên kết	16.534.495.416	3.329.639.527
- Cổ tức nhận được	1.034.833.750	620.011.200
- LN đã thực hiện của phần khấu hao tài sản công ty con nhận góp vốn		14.783.409
- Lỗ từ các năm trước chuyển sang	180.464.009.677	-
Tổng thu nhập chịu thuế:	(156.019.333.584)	(180.176.366.638)
- Hoạt động kinh doanh bất động sản	15.874.896.150	-
- Hoạt động xây lắp và kinh doanh khác	(171.894.229.734)	(180.176.366.638)
- Thu nhập chịu thuế tại công ty con	303.471.845	287.643.039
Thuế suất thuế TNDN:	22%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành của công ty mẹ	3.492.477.153	
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành của công ty con	66.763.806	71.910.760
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ này.	-	22.150.392
Thuế TNDN phải nộp	3.559.240.959	94.061.152

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ <đồng>

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác (MS 21) <i>trong đó mua bằng cách nhận nợ</i>	121.717.746.106 42.579.568.485
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được (MS33) <i>trong đó lãi vay nhập gốc</i>	406.500.373.001 6.621.595.540

VIII. Những thông tin khác:

Đơn vị tính: đồng

1. Công cụ tài chính:

1.1. Quản lý rủi ro:

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

1.2. Các loại công cụ tài chính:

Tài sản tài chính:

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.140.430.913	31.551.324.226

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Phải thu khách hàng và phải thu khác	455.343.110.444	573.045.981.275
Tài sản tài chính khác	61.607.824.939	62.317.824.939
Công cụ tài chính		
Vay ngắn hạn, dài hạn	977.013.508.969	1.162.479.809.260
Phải trả khách hàng và phải trả khác	434.914.798.179	463.820.791.745
Công nợ tài chính khác	56.806.663.900	84.333.363.741

1.3. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá: rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro tỷ giá do các nghĩa vụ nợ ngoại tệ (nếu có) đều được thanh toán bằng ngoại tệ.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro về giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về lãi suất là của công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào vì Công ty chỉ quan hệ giao dịch truyền thống lâu năm với các ngân hàng uy tín và được ngân hàng ưu đãi với mức lãi suất thấp nhất, có lợi nhất cho công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phát sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Công nợ tài chính được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu và ngày đáo hạn hợp đồng theo ngày sớm nhất mà công ty phải trả:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm
Vay ngắn hạn	459.889.030.649	-
Phải trả khách hàng và phải trả khác	434.914.798.179	-
Vay dài hạn	-	517.124.478.320
Công nợ khác	-	56.806.663.900

1.4. Tài sản đảm bảo:

Trong năm, Công ty có dùng một số tài sản để thế chấp vay vốn ngân hàng, cụ thể:

- Khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long, tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của công ty.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Khoản vay dài hạn Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, tài sản đảm bảo là sổ cổ phiếu LGL mà công ty đang nắm giữ.
- Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Thăng Long, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trong tương lai từ dự án tổ hợp tòa nhà văn phòng, chung cư 102 Trường Chinh, Hà Nội.
- Khoản vay dài hạn ngân hàng Công thương - chi nhánh Đống Đa, tài sản đảm bảo là: quyền đòi nợ tại thủy điện Sông Tranh, Nho Quế, Văn Chấn, Iamor, Bản Mòng.
- Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP bưu điện Liên Việt, tài sản đảm bảo là: vốn góp tại Công ty cổ phần thủy điện Văn Chấn.

2. Thông tin về các bên liên quan:

Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha	Công ty con
Công ty CP Đầu tư và PT Điện MECO	Công ty con
Công ty CP Thủy điện Thác Xăng	Công ty con
Công ty CP khoáng sản MECO	Công ty con
Công ty CP Bất động sản MECO	Công ty con
Công ty cp cơ điện và XD Hòa Bình	Công ty liên kết
Công ty cp Thủy Điện Văn Chấn	Công ty liên kết
Công ty cp XD Thủy lợi MECO Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cp cơ khí Văn Lâm	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư và PT đô thị Long Giang	Công ty có ủy viên HĐQT làm Chủ tịch HĐQT kiêm TGT

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: đồng
		Số tiền
Góp vốn		
Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha	Góp vốn bằng tiền và tài sản	81.464.395.331
Công ty cp Đầu tư và PT Điện MECO	Góp vốn bằng tiền	10.813.896.000
Công ty cp Thủy Điện Thác Xăng	Góp vốn bằng tiền	62.021.352
Công ty cp Khoáng sản MECO	Góp vốn bằng tiền	101.046.681
Cổ tức và lợi nhuận được chia		Năm nay

Các công ty con, công ty liên kết của công ty chủ yếu đang trong thời gian góp vốn đầu tư nên chưa có lợi nhuận để phân phối. Duy nhất có Công ty cp Thủy Điện Văn Chấn đã có lợi nhuận để phân phối trong năm.

Tại ngày kết thúc năm, công nợ với các bên liên quan như sau:

Các khoản phải thu	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Công ty CP Bất động sản MECO	Ứng trước tiền thi công	20.351.534.739
	Phải thu về tiền điện nước	888.742.456
	Phải thu khác (vay vốn)	153.240.800.000
	Phải thu về tiền khối lượng thi công	1.708.215.973
Công ty CP Thủy điện Văn Chấn	Tiền thuê nhà xưởng và khác	9.661.046.935
Công ty cp cơ khí Văn Lâm		
Các khoản phải trả		
	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Công ty CP Thủy điện Thác Xăng	Ứng trước tiền thi công	2.582.367.991
Công ty CP Bất động sản MECO	Ứng trước tiền hàng	684.750.215
	Phải trả tiền hàng	169.022.700

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

	Phải trả tiền thi công	19.226.651.291
Công ty CP Thủy điện Văn Chấn	Ứng trước tiền thi công	13.376.513
Công ty cp XD Thủy lợi MECO Sài Gòn	Phải trả tiền thi công	1.249.571.973
	Phải trả các khoản khác	9.900.149
Công ty cp cơ khí Văn Lâm	Phải trả tiền thi công	2.504.454.349
Công ty CP Đầu tư và PT đô thị Long Giang	Phải trả tiền thi công	13.219.371.169

3. **Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh: Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Lĩnh vực xây lắp;
- Lĩnh vực kinh doanh thương mại;
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản;
- Lĩnh vực kinh doanh khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Doanh thu thuần	Giá vốn
- Lĩnh vực xây lắp	128.423.490.970	122.617.994.470
- Lĩnh vực kinh doanh thương mại	410.876.671.988	410.061.116.144
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	649.657.528.177	581.443.487.718
- Lĩnh vực kinh doanh khác	10.456.448.110	8.587.321.284
Cộng	1.199.414.139.245	1.122.709.919.616

Kết quả kinh doanh theo bộ phận:

- Lĩnh vực xây lắp	5.805.496.500
- Lĩnh vực kinh doanh thương mại	815.555.844
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	68.214.040.459
- Lĩnh vực kinh doanh khác	1.869.126.826
Cộng	76.704.219.629

Chi phí không phân bổ theo bộ phận

Chi phí tài chính	42.258.421.480
Chi phí khác	18.054.092.680

Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Tài sản phân bổ cho bộ phận	Nợ phải trả
- Lĩnh vực xây lắp	875.669.903.720	670.148.038.669
- Lĩnh vực kinh doanh thương mại	341.255.099.672	349.884.907.867
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	963.454.796.587	661.299.206.484
- Lĩnh vực kinh doanh khác	79.387.243.126	3.578.774.741

4. **Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ báo cáo tài chính năm 2013 hợp nhất của Công ty cổ phần Cơ điện và xây dựng Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Việt.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính tiếp theo.

6. Những thông tin khác

6.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	38.287.930.975	(176.532.110.564)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	52.050.000	52.050.000
Lãi trên cổ phiếu	736	(3.392)

6.2 Một số chỉ tiêu tài chính

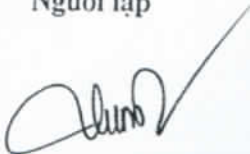
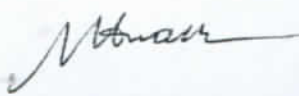
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	58,27	70,45
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	41,73	29,55
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	74,56	80,88
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	25,05	18,96
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	1,34	1,24
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,14	1,22
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,02	0,02
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	3,50	(21,99)
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	3,20	(22,00)
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	1,86	(6,34)
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	1,70	(6,34)
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH	%	6,67	(30,69)

6.3 Thông tin khác

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định của thuế về việc áp dụng các quy định và chuẩn mực kiểm toán cho các giao dịch tại đơn vị có thể được giải thích theo cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Người lập

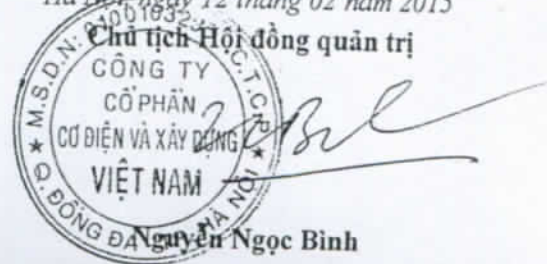
Kế toán trưởng

Phạm Thị Chinh Lương

Ninh Thị Luân

Hà Nội ngày 12 tháng 02 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04 3869 3434 Fax: 04 3869 1568

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2014

Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
I Nguyên giá TSCĐ					
1. Số dư đầu năm	24.444.607.430	104.482.915.203	31.452.441.667	354.397.967	160.734.362.267
2. Số tăng trong năm	-	1.142.272.727	-	43.636.364	1.185.909.091
- Mua sắm mới	-	1.142.272.727	-	43.636.364	1.185.909.091
- Xây dựng mới	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	2.494.237.301	23.858.818.842	15.236.127.166	-	41.589.183.309
- Thanh lý	2.494.237.301	23.858.818.842	15.236.127.166	-	41.589.183.309
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	21.950.370.129	81.766.369.088	16.216.314.501	398.034.331	120.331.088.049
II Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	5.917.467.452	76.722.754.590	22.103.289.993	354.397.967	105.097.910.002
2. Khấu hao trong năm	1.296.354.584	7.125.563.859	1.216.699.176	10.909.091	9.649.526.710
- Trích trong năm	1.296.354.584	7.122.472.959	1.216.699.176	10.909.091	9.646.435.810
- Phân loại lại	-	3.090.900	-	-	3.090.900
3. Giảm trong năm	427.137.895	16.635.758.927	9.567.917.526	-	26.630.814.348
- Thanh lý	427.137.895	16.635.758.927	9.564.826.626	-	26.627.723.448
- Phân loại lại	-	-	3.090.900	-	3.090.900
4. Số dư cuối năm	6.786.684.141	67.212.559.522	13.752.071.643	365.307.058	88.116.622.364
III Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	18.527.139.978	27.760.160.613	9.349.151.674	-	55.636.452.265
2. Tại ngày cuối năm	15.163.685.988	14.553.809.566	2.464.242.858	32.727.273	32.214.465.685

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay
Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

4.500.290.110
44.724.160.314

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04 3869 3434 Fax: 04 3869 1568

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2014

Phụ lục số 02: Tình hình tăng giảm Vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm trước							
1. Số dư đầu năm	575.100.000.000	169.300.618.000	(73.426.398.513)	22.847.338.071	5.969.920.684	4.938.473.543	704.729.951.785
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	(176.532.110.564)	(176.532.110.564)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
- Thay đổi tỷ lệ sở hữu ở công ty liên kết	-	-	-	-	-	(386.596.709)	(386.596.709)
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
2. Số dư cuối năm	575.100.000.000	169.300.618.000	(73.426.398.513)	22.847.338.071	5.969.920.684	(171.980.233.730)	527.811.244.512
Năm nay							
1. Số dư đầu năm	575.100.000.000	169.300.618.000	(73.426.398.513)	22.847.338.071	5.969.920.684	(171.980.233.730)	527.811.244.512
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	38.287.930.975	38.287.930.975
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	136.339.868.652	-
- Giảm khác: (*)	-	136.339.868.652	-	-	-	-	-
2. Số dư cuối năm	575.100.000.000	32.960.749.348	(73.426.398.513)	22.847.338.071	5.969.920.684	2.647.565.897	566.099.175.487
	-	-	-	-	-	0	(0)

(*): Bù lỗ kinh doanh bằng thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04 3869 3434 Fax: 04 3869 1568

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2014

Phụ lục số 03: Bảng xác định Lợi ích của cổ đông thiểu số

TT	Chi tiêu	Vốn chủ sở hữu	Công ty cổ phần Cơ điện và xây dựng Việt Nam	Lợi ích của cổ đông thiểu số
1	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	231.433.431.114	222.836.828.292	8.585.000.000
	Công ty CP Dầu tự thủy điện An Pha	160.812.747.734	157.247.747.734	3.565.000.000
	Công ty CP Dầu tự và PT Điện MECO	29.064.917.929	29.064.917.929	-
	Công ty CP Thủy điện Thác Xăng	16.748.094.815	16.586.491.993	150.000.000
	Công ty CP khoáng sản MECO	7.007.670.636	6.437.670.636	570.000.000
	Công ty CP Bất động sản MECO	17.800.000.000	13.500.000.000	4.300.000.000
2	Lợi nhuận chưa phân phối	463.806.692	351.763.502	112.043.190
	Công ty CP Bất động sản MECO	463.806.692	351.763.502	112.043.190
	Cộng	231.897.237.806	223.188.591.794	8.697.043.190

Ghi chú: tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được tính trên vốn chủ sở hữu thực tế các bên góp

